

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300583659, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 29/1/2016)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: **470** / QĐ-SGDHCM do Tổng Giám Đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày **25** tháng **11** năm 2016)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Trụ sở: Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84.8) 38294081 – 8294083 – 8296342
Website: www.sabeco.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG

Trụ sở: Tầng 4A – 15 + 16, Tòa nhà Vincom Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84.8) 44 555 888
Website: www.maybank-kimeng.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bùi Anh Vũ
Số điện thoại: (848) 3829 4083
Chức vụ: Trưởng Ban Kế hoạch – Tổng hợp

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 11 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300583659, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 29/1/2016).

Trụ sở chính: Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84.8) 38294081 – 8294083 – 8296342
Fax: (84.8) 38296856
Website: www.sabeco.com.vn

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu: Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu: SAB.
Mệnh giá: 10.000 Đồng/Cổ phiếu.
Tổng số lượng niêm yết: 641.281.186 cổ phiếu.
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 6.412.811.860.000 Đồng (VND).

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Báo cáo tài chính năm 2014, 2015:

CÔNG TY TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 8 Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (08) 3823 0796
Website: www.pwc.com/vn

Báo cáo tài chính giữa niên độ:

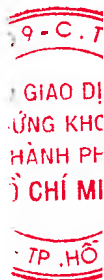
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 28 Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (08) 3824 5252 Fax: (08) 3824 5250.
Website: www.ey.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG

Trụ sở: Tầng 4A – 15 + 16, Tòa nhà Vincom Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (08) 44 555 888 Fax: (08) 38 271 030
Website: www.maybank-kimeng.com.vn



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
I. CÁC YẾU TỐ RỦI RO	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp.....	6
3. Các rủi ro đặc thù.....	6
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu	9
5. Rủi ro khác.....	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổ chức niêm yết	10
2. Tổ chức tư vấn	10
III. CÁC KHÁI NIỆM	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	12
2. Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty	19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty.....	20
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông	26
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Tổng Công ty	26
4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ	26
4.3 Cơ cấu cổ đông	27
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	28
5.1 Những công ty SABECO nắm giữ từ trên 50% số lượng cổ phần.....	28
5.2 Những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối SABECO.....	30
6. Hoạt động kinh doanh.....	30
6.1 Các sản phẩm chính	30
6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị qua các năm	32
6.3 Nguyên vật liệu chính.....	34
6.4 Chi phí sản xuất	38
6.5 Trình độ công nghệ	38
6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	40
6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	41
6.8 Hoạt động Marketing	43
6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	46
6.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	48

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	49
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong hai (02) năm gần nhất và lũy kế quý gần nhất.....	49
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo (năm 2015).....	51
8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	52
9. Chính sách đối với người lao động.....	58
10. Chính sách cổ tức.....	61
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	62
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	62
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	68
11.3 Thông tin về những điểm cần lưu ý trên các BCTC.....	69
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	71
13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản, đất đai thuộc sở hữu của Tổng Công ty).....	85
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	88
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	90
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, các thông tin liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu,...).....	90
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	90
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	91
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	96
VII. PHỤ LỤC.....	97
CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	98

LỜI NÓI ĐẦU

Bản Cáo Bạch này nhằm mục đích công bố thông tin cho việc niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) và giúp Nhà đầu tư có thêm thông tin về SABECO để từ đó đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

Dựa trên các số liệu thống kê về kết quả hoạt động kinh doanh đã đạt được trong quá khứ, SABECO xây dựng định hướng phát triển trong tương lai. Bản Cáo Bạch này trình bày một số thông tin mang tính dự báo liên quan đến các kế hoạch của Tổng Công ty. Chúng tôi sử dụng các từ như “sẽ”, “dự kiến”, “kế hoạch”, “khả năng”, “rủi ro”, “có thể ” và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai. Mặc dù SABECO tin tưởng rằng các kế hoạch, số liệu dự kiến trình bày tại Bản Cáo Bạch này là khả thi, nhưng không thể bảo đảm các dự kiến này sẽ chắc chắn xảy ra trong tương lai.

I. CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Trước khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, các nhà đầu tư cần xem xét cẩn trọng các yếu tố rủi ro và các yếu tố không chắc chắn được nêu dưới đây, cùng với các thông tin trong Bản Báo Bạch, các thông tin trong các báo cáo tài chính và những thông tin liên quan khác. Các rủi ro được nêu sau đây là những yếu tố mà Tổng Công ty phải đối mặt trong quá trình kinh doanh, khi xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động, kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng Công ty, từ đó ảnh hưởng đến giá cổ phiếu và hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư. Các yếu tố rủi ro chính gồm có:

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người dân, tác động tới nhu cầu và thị hiếu của người dân trong việc lựa chọn sản phẩm tiêu dùng, bao gồm đồ uống như các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát.

Trong mười (10) năm từ 2006 đến 2015, kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng liên tục và đạt được tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khá cao, khoảng 6,39%/năm. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng không đồng đều, gây ra nhiều khó khăn cho doanh nghiệp cũng như ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý người tiêu dùng. Cụ thể tăng trưởng cao diễn ra trong giai đoạn 2006-2008 với tốc độ tăng trung bình lên tới 7,61% và giảm mạnh trong giai đoạn 2009-2014 còn 5,74% trước khi hồi phục trên 6% từ năm 2015.

Bảng 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2006 – 2015 và mục tiêu năm 2016

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
GDP (%)	8,17	8,44	6,23	5,32	6,78	5,89	5,03	5,42	5,98	6,68	6,3 – 6,5 ^(*)

(*): Mục tiêu của Chính phủ, điều chỉnh mới nhất.

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Đầu năm 2016, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm khoảng 6,7%. Tốc độ tăng GDP của Việt Nam đã chững lại trong ba (3) quý gần nhất, chỉ còn 5,93% (so với mức 6,53% của chín (9) tháng đầu năm 2015). Ngoài ra, Ngân Hàng Thế Giới (WB) cũng điều chỉnh dự báo mức tăng trưởng toàn cầu trong năm 2016 là 2,4%, không thay đổi so với mức của năm 2015 nhưng giảm 0,5% so với mức dự báo tại thời điểm tháng Giêng năm 2016. Ở tầm quốc gia, WB đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 còn khoảng 6% (giảm 0,6% so với dự báo tại thời điểm tháng 12 năm 2015) và năm 2017 là 6,3%. Trong cuộc họp gần đây nhất, Chính phủ đã công nhận đạt được 6,3% – 6,5% tăng trưởng GDP cho cả năm 2016 là một thách thức lớn. Với những số liệu dự báo nêu trên, chúng tôi kỳ vọng kinh tế Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng trên 6% trong năm 2016.

1.2 Chi số lạm phát

Lạm phát là một chỉ số vĩ mô đặc biệt quan trọng, phản ánh thực trạng nền kinh tế, đặc biệt ảnh hưởng đến sức tiêu thụ của người dân. Tỷ lệ lạm phát cao trong giai đoạn 2008 - 2011 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế của Việt Nam và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (biểu hiện rõ nét qua sự suy giảm tốc độ tăng trưởng GDP và sức cầu của nền kinh tế trong giai đoạn 2012-2014 như trong Bảng 1). Kiểm chế lạm phát, ổn định vĩ mô là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ trong thời gian qua, đồng thời cũng được tái khẳng định trong kế hoạch kinh tế năm (5) năm 2016-2020. Các chính sách tiền tệ trong giai đoạn này, cộng hưởng với giá cả hàng hóa thế giới sụt giảm, đã phát huy hiệu quả. Đến năm 2014, chỉ số lạm phát đã giảm xuống mức 4,09% và năm 2015 chỉ còn 0,63%. Đây là mức tăng thấp nhất trong vòng mười (10) năm gần đây.

Bảng 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn 2006 – 2015 và mục tiêu năm 2016

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016(*)
Tỷ lệ lạm phát (%)	6,6	8,3	22,9	6,52	11,75	18,13	9,21	6,04	4,09	0,63	<5,0

(*): Mục tiêu của Chính phủ.

Nguồn: Tổng Cục Thống kê.

Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát tỷ lệ lạm phát năm 2016 dưới 5%. Theo báo cáo kinh tế xã hội tháng 10/2016 của Chính phủ, tỷ lệ lạm phát đến tháng 10/2016 tăng 4,09% so với tháng cùng kỳ năm trước, phần nhiều do sự điều chỉnh tăng mạnh, trên diện rộng của nhóm thuốc và dịch vụ y tế. Có thể nói Việt Nam đã thực hiện được mục tiêu kiểm soát lạm phát cho đến thời điểm hiện tại. Với các chính sách tiền tệ hiện tại của Ngân hàng Nhà nước và nếu chính sách tài khóa được kiểm soát chặt chẽ, chúng tôi tin rằng mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2016 sẽ nằm trong tầm kiểm soát.

1.3 Lãi suất

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành lãi suất thông qua hai loại lãi suất chính: lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn. Trên cơ sở các lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ quyết định mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và Tổng Công ty nói riêng.

Bảng 3: Lãi suất giai đoạn 2006 – 2015 và mục tiêu năm 2016

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016 (*)
Lãi suất tái chiết khấu trung bình (%/năm)	4,5	4,5	10,0	6,0	6,2	10,7	10,0	6,0	4,5	4,5	4,5
Lãi suất tái cấp vốn trung bình (%/năm)	6	6	11,9	7,5	8,2	13	11,5	7,5	6,5	6,5	6,5

(*): Đến 30/9/2016.

Nguồn: Website Ngân hàng Nhà nước và tính toán.

Với chính sách điều hành lãi suất hiện tại của Ngân hàng Nhà nước hiện nay, chúng tôi kỳ vọng lãi suất vay nợ sẽ không có nhiều biến động từ nay đến cuối năm 2016. Tuy nhiên với diễn biến chỉ số giá tiêu dùng có xu hướng quay trở lại trong năm nay, lãi suất huy động và lãi suất cho vay có thể sẽ biến động nhiều hơn trong năm 2017.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn chịu sự điều chỉnh của nhiều luật và chính sách quản lý của Nhà nước, trong đó chủ yếu là Luật Doanh Nghiệp, Luật Đầu tư, các Luật Thuế, Luật Môi trường, Luật An toàn thực phẩm,... Trong đó, Thuế Tiêu thụ đặc biệt ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty.

SABECO hoạt động trong ngành bia, rượu, và nước giải khát nên cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách của Nhà nước như: các chính sách liên quan đến phòng chống tác hại từ các đồ uống có cồn, đề án dán tem đối với tất cả sản phẩm bia,... Do đó tác động lên chi phí hoạt động, làm tăng giá bán cuối cùng cho người tiêu thụ bia và các sản phẩm có cồn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty liên quan nhiều đến luật pháp quốc tế trong các hoạt động mua nguyên vật liệu, bán sản phẩm,... Điều này đòi hỏi Tổng Công ty phải hiểu biết về luật pháp quốc tế, cũng như các quy định về thương mại quốc tế để có thể giao thương mua bán với các tổ chức, doanh nghiệp trên Thế giới.

Khi các luật, chính sách của Nhà nước và của các nước có sự thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

3. Các rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về nguyên liệu

Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của Tổng Công ty chủ yếu được nhập từ nước ngoài. Những rủi ro về thời tiết như hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng rất nhiều đến sản lượng nguyên liệu. Do đó, Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro khi nguồn nguyên liệu, giá nguyên vật liệu trên thế giới có những biến động bất thường, dẫn đến khan hiếm và tăng giá nguyên vật liệu đầu vào.

Theo số liệu của Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (International Grains Council) Tháng 12/2015, dự báo về sản lượng lúa mạch (nguyên liệu sản xuất malt) đến năm 2020 như sau:

Bảng 4: Dự báo sản lượng lúa mạch giai đoạn 2016 -2020

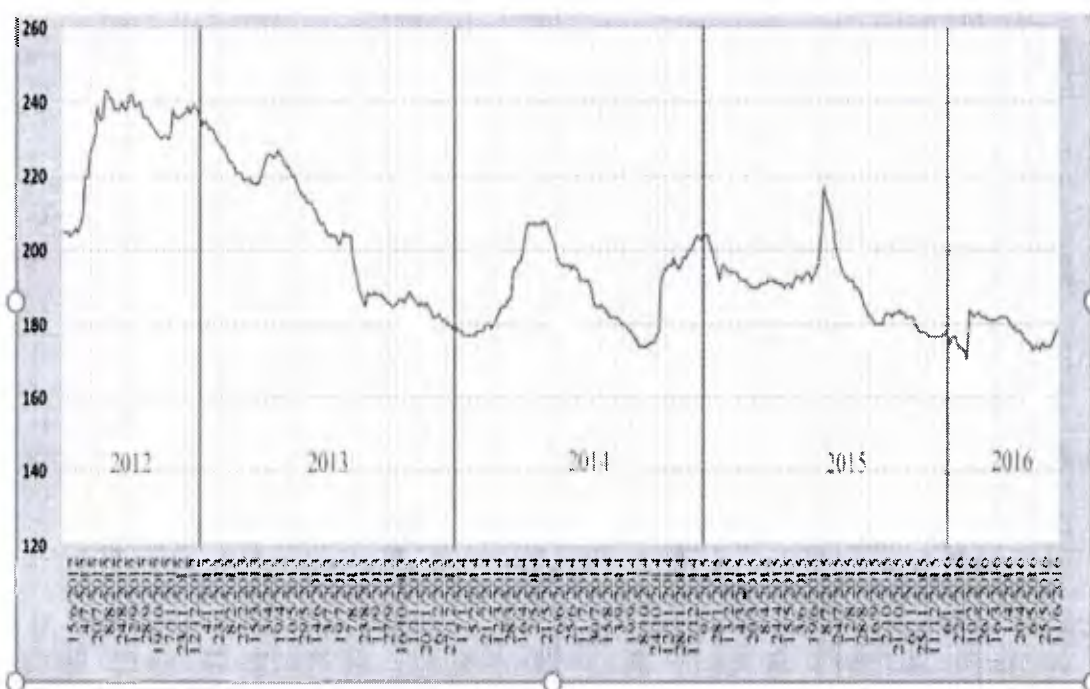
Mùa vụ	14/15	15/16	16/17	17/18	18/19	19/20	20/21
Năng suất (tấn/ha)	2,8	2,9	2,8	2,8	2,8	2,9	2,9
Diện tích (Triệu ha)	50	50	50	51	51	52	52
Sản lượng (Triệu tấn)	141	145	140	142	145	148	150

Nguồn: International Grains Council Tháng 12/2015.

Theo số liệu nêu trên, năng suất lúa mạch được dự báo sẽ giảm trong vụ mùa 2016/17 và 2017/18 nhưng sẽ tăng nhẹ trở lại sau đó. Mặc dù có sự chênh lệch trong các tính toán, tổ chức Lương Nông Liên Hiệp Quốc (FAO) cũng đồng quan điểm sản lượng lúa mạch vụ mùa 2016/17 sẽ giảm so với 2015, cụ thể chỉ đạt khoảng 144,6 triệu tấn, thấp hơn mức 147,0 triệu tấn vụ mùa 2015/16.

Biến động giá lúa mạch trên thị trường trong năm năm qua (2012 – 2016) như sau:

Sơ đồ 1: Giá đại mạch giai đoạn 06/2012 -06/2016 (EUR/MT)



Tuy nhiên, rủi ro này cũng được giảm nhẹ bởi khả năng dự trữ nguyên vật liệu và các mối quan hệ lâu năm với các nhà cung cấp nguyên vật liệu trong và ngoài nước của Tổng Công ty. Tổng Công ty luôn nỗ lực để có được các hợp đồng mua nguyên liệu tốt để góp phần đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và mức giá không quá đột biến để hạn chế rủi ro cho Tổng Công ty.

3.2. Rủi ro về thị trường

Yếu tố tác động mạnh nhất tới rủi ro thị trường chính là sự cạnh tranh của các hãng bia, rượu có thương hiệu, tiềm lực tài chính mạnh và có nhiều kinh nghiệm của nước ngoài, đặc biệt là khi Việt Nam thực hiện điều chỉnh chính sách thuế theo cam kết khi gia nhập WTO và các Hiệp định thương mại trong thời gian tới.

Sau khi ký kết Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Thương mại hàng hóa trong ASEAN (ATIGA),... Việt Nam sẽ giảm thuế nhập khẩu đối với nhiều sản phẩm, trong đó có bia, rượu. Việt Nam cam kết giảm thuế suất Thuế nhập khẩu đối với rượu, bia sau khi ký kết Hiệp định TPP về mức 0% từ năm thứ mười hai (12) đối với rượu mạnh và năm thứ mười

một (11) đối với bia sau khi chính thức áp dụng quy định của TPP. Mặc dù hai ngành hàng này có lộ trình giảm thuế khá dài, nhưng đây là nguy cơ đối với các doanh nghiệp sản xuất bia trong nước, trong đó có SABECO, vì các sản phẩm bia nhập khẩu từ nước ngoài được dự báo sẽ tăng mạnh trong thời gian sắp tới.

Mặt khác, phân khúc Bia giá trung bình bị cạnh tranh rất khốc liệt từ các công ty thuộc phân khúc Bia cao cấp như Heineken, Sapporo... Thêm vào đó, một nhóm người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang phân khúc Bia cao cấp khi thu nhập bình quân tăng lên. Các điều này có thể dẫn đến tương quan cạnh tranh trong thị trường bia thay đổi.

Dù đang ở vị thế dẫn đầu thị trường Việt Nam, SABECO vẫn chuẩn bị các phương án cho rủi ro thị trường này.

3.3. Rủi ro về tiêu thụ sản phẩm

Sở hữu mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh, thành Việt Nam (bên cạnh một phần nhỏ xuất khẩu ra thị trường nước ngoài), cùng với lợi thế nổi trội về mặt thương hiệu và chất lượng, các sản phẩm của Tổng Công ty đã, đang và dự kiến sẽ tiếp tục được tiêu thụ ổn định. Nhìn chung, sản lượng sản phẩm tiêu thụ của Tổng Công ty giữa các quý trong năm không có sự chênh lệch đáng kể, dù rằng sức mua giữa các tháng tại một số thời điểm có sự dao động nhất định (các tháng lễ, Tết và thời tiết nắng nóng sẽ tiêu thụ tốt hơn, trái lại sản lượng tiêu thụ có thể bị ảnh hưởng vào những thời điểm các hãng bia đối thủ đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ, khuyến mãi...). Tuy vậy, Tổng Công ty luôn có kế hoạch, kinh nghiệm và chủ động trong việc điều phối sản xuất và bán hàng để đảm bảo đáp ứng phù hợp nhất nhu cầu thị trường, ổn định hoạt động kinh doanh để hoàn thành các mục tiêu của cổ đông giao phó.

3.4. Rủi ro về Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Bia là sản phẩm chịu Thuế tiêu thụ đặc biệt. Ngày 14/11/2008 Quốc hội Khóa XII kỳ họp thứ 4 đã ban hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12. Theo đó, thuế suất Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản phẩm bia được áp dụng ở mức 45% từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2012 và 50% kể từ ngày 01/01/2013.

Thuế suất Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu và bia đã có sự gia tăng theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (năm 2014). Theo đó, thuế suất Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu (trên 20 độ) và bia từ đầu năm 2016 là 55% (tăng 5% so với năm 2015), năm 2017 là 60% và năm 2018 là 65%. Do đặc thù này, các công ty sản xuất rượu, bia trong đó có SABECO sẽ chịu ảnh hưởng nếu thuế suất Thuế tiêu thụ đặc biệt gia tăng.

3.5. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của SABECO chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài và được thanh toán bằng ngoại tệ. Trong khi đó, sản phẩm được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường nội địa và được thanh toán bằng tiền Đồng (VND). Do đó, khi tỷ giá biến động bất lợi, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu sản xuất bia và ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tổng Công ty.

Trong giai đoạn 2012-2013, tỉ giá VND/USD khá ổn định. Sự ổn định của tỷ giá trong giai đoạn 2012-2013 chủ yếu là do kinh tế vĩ mô dần ổn định, xuất siêu, nguồn cung ngoại tệ từ các dự án đầu tư nước ngoài giải ngân, kiều hối cũng như điều hành sát sao của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tỉ giá VND/USD có xu hướng tăng trong năm 2015 do áp lực nhập siêu đồng thời do đồng đô la Mỹ mạnh lên (trước kỳ vọng điều chỉnh lãi suất của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED)).

Tại thời điểm cuối tháng 6/2015, tỉ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố đã tăng lên mức 21.673 VND/USD (tăng 2% so với thời điểm cuối tháng 12/2014 - 21.246 VND/USD). Để ứng phó với việc điều chỉnh tỉ giá của Trung Quốc và các quốc gia khác, trong tháng 8 năm 2015 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh tăng tỉ giá bình quân liên ngân hàng giữa VND và USD từ mức 21.673 lên mức 21.890 VND/USD, tăng 1%. Đồng thời, nới rộng biên độ tỉ giá VND/USD từ +/-1% lên +/-2% rồi +/-3%. Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã áp dụng chính sách điều hành tỉ giá mới. Theo đó, tỉ giá trung tâm sẽ được công bố hàng ngày và biên độ giao dịch là +/-3%. Sự biến động của tỉ giá trong thời gian tới rất khó dự đoán do chính sách thay đổi tỉ giá của các nước và chính sách điều hành tỉ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong trường hợp tỉ giá hối đoái VND/USD biến động tiêu cực ngoài dự kiến, kết quả kinh doanh của Tổng Công ty sẽ bị ảnh hưởng do chi phí đầu vào tăng lên.

Để hạn chế ảnh hưởng của sự biến động tỉ giá hối đoái, Tổng Công ty luôn nỗ lực trong việc dự báo để có các chính sách dự trữ nguyên liệu cũng như xây dựng giá bán sản phẩm hợp lý.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu SABECO sau khi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giúp gia tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các cổ đông có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, cũng như tạo thuận lợi cho cổ đông lớn là Nhà nước thoái vốn hay cho Tổng Công ty trong các đợt huy động vốn nếu có sau này. Tuy nhiên, các cổ đông và Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro biến động giá cổ phiếu. Giá cổ phiếu trên thị trường phụ thuộc vào nhiều yếu tố như kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, tình hình chính trị, xã hội, kinh tế trong nước và quốc tế, tâm lý nhà đầu tư, sự thay đổi các chính sách và quy định của pháp luật liên quan, cũng như các yếu tố, sự kiện không lường trước được,... Sự biến động tiêu cực của giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu Tổng Công ty mặc dù trong nhiều trường hợp có thể ngoài tầm kiểm soát của Tổng Công ty.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai (bão, lũ, động đất,...), dịch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro bất khả kháng khi xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Tổng Công ty và thường gây ra các tổn thất lớn. Khả năng xảy ra những rủi ro này thấp nhưng Tổng Công ty luôn quan tâm và có các biện pháp để phòng tránh cũng như giảm thiểu thiệt hại khi có rủi ro.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Võ Thanh Hà	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.
Ông Lê Hồng Xanh	Chức vụ: Phụ trách Ban Điều hành SABECO.
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chức vụ: Kế toán trưởng.
Ông Đồng Việt Trung	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Kim Thiên Quang	Chức vụ: Tổng Giám đốc, Đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
---------------------	--

Bản Cáo Bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản Cáo Bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“Tổng Công ty”/ “SABECO”/”Tổ chức niêm yết”	Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
“Điều lệ Tổng Công ty”	Điều lệ của SABECO đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
“Năm tài chính”	Tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán năm 2010 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

AFTA	Khu vực Thương mại Tự do ASEAN.
CP	Cổ phần.
FTA	Hiệp định Thương mại tự do.
BKS	Ban kiểm soát.
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông.
HĐQT	Hội đồng quản trị.
BCTC	Báo cáo tài chính.
DT	Doanh thu.
LN	Lợi nhuận.
ROA	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản.
ROE	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu.
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp.
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn.
TPP	Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement (Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương)
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
USD	Đơn vị tiền tệ của Hoa Kỳ, Đô-la Mỹ.
VND	Đơn vị tiền tệ của Việt Nam, Đồng Việt Nam.
EUR	Đơn vị tiền tệ chung Châu Âu, Euro.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết

Tên gọi: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN.**
Tên giao dịch quốc tế: **SAIGON BEER – ALCOHOL – BEVERAGE CORPORATION.**
Tên viết tắt: **SABECO**
Trụ sở chính: 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84.8) 38294081 – 8294083 – 8296342
Fax: (84.8) 38296856
Website: www.sabeco.com.vn
Vốn điều lệ: 6.412.811.860.000 Đồng Việt Nam (VND)
Giấy đăng ký kinh doanh: 0300583659, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 29/1/2016.
Mã số thuế: 0300583659.

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất, chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống)	1079
2	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất đồ uống (trừ chế biến thực phẩm tươi sống; sản xuất rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở chính).	1101
3	Sản xuất rượu vang Chi tiết: Sản xuất đồ uống (trừ chế biến thực phẩm tươi sống; sản xuất rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở chính).	1102
4	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất đồ uống (trừ chế biến thực phẩm tươi sống; sản xuất rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở chính).	1103
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất đồ uống (trừ chế biến thực phẩm tươi sống; sản xuất rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở chính).	1104

6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: mua bán các loại bao bì, nhãn hiệu cho ngành bia, rượu, nước giải khát và lương thực – thực phẩm	4669
7	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (việc cung cấp dịch vụ cần tiến hành song song với đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hoặc mua lại khách sạn và không kinh doanh khách sạn tại trụ sở chính).	5610
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: sửa chữa, bảo dưỡng máy móc-thiết bị ngành sản xuất bia-rượu-nước giải khát và công nghiệp thực phẩm (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, luyện cán cao su tại trụ sở chính).	3312
9	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt, chế tạo máy móc - thiết bị ngành sản xuất bia - rượu - nước giải khát và công nghiệp thực phẩm (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, luyện cán cao su tại trụ sở chính).	3320
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp	4290
11	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: mua bán lương thực, thực phẩm (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)	4632
12	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán các loại bia, cồn, rượu, nước giải khát	4633
13	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng có liên quan đến ngành sản xuất bia, rượu, nước giải khát, các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất rượu, bia, nước giải khát	4659
14	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo nghề.	8559
15	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).	6619
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản).	6810
17	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý).	6820
18	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại.	7310

19	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Nghiên cứu thị trường.	7320
20	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.	7912

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn là Nhà máy Bia Chợ Lớn thuộc hãng B.G.I, của chủ tư bản Pháp, được Chính phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tiếp quản.

Nhà máy Bia Sài Gòn, được thành lập ngày 17/05/1977 theo Quyết định số 854/LTTP của Bộ trưởng Bộ Lương thực và Thực phẩm. Sau đó, thực hiện chủ trương của Nhà nước về tổ chức lại sản xuất kinh doanh trong khu vực kinh tế quốc doanh, ngày 14/09/1993 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ đã có Quyết định số 882/QĐ-TCCB thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước và đổi tên thành Công ty Bia Sài Gòn.

Thực hiện Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 28/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới Tổng Công ty Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp giai đoạn 2003-2005, tháng 03/2003 Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) đã trình Thủ tướng chính phủ đề án tổ chức lại Tổng Công ty Rượu - Bia - Nước giải khát Việt Nam thành hai Tổng Công ty Nhà nước. Ngày 06/05/2003, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) có Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN thành lập Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (viết tắt là SABECO) trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và các Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước giải khát Chương Dương và Nhà máy Thủy tinh Phú Thọ.

Ngày 11/05/2004, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) đã có Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN chuyển Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn sang mô hình Công ty Mẹ - Công ty con. Trong đó Công ty mẹ được hình thành từ Văn phòng, các phòng, ban nghiệp vụ, các nhà máy, xí nghiệp, phân xưởng sản xuất hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty.

Ngày 28/12/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1862/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án và chuyển Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn thành Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.

Ngày 20/09/2016, Bộ Công Thương có văn bản số 8845/BCT-CNN về việc chấp thuận đề xuất niêm yết cổ phiếu SABECO trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Ngày 20/10/2016, Đại hội đồng cổ đông SABECO ban hành Nghị quyết số 62/2016/NQ-ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu của SABECO tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Lịch sử phát triển của SABECO gắn liền với quá trình phát triển mạnh mẽ và bền vững của thương hiệu Bia Sài Gòn, thương hiệu dẫn đầu ngành bia của Việt Nam.

1.2.1 Các cột mốc lịch sử

Lịch sử phát triển của SABECO gồm các cột mốc lớn như sau:

Giai đoạn 1977 - 1988:

- Ngày 01/06/1977 Công ty Rượu Bia Miền Nam chính thức tiếp nhận và quản lý Nhà máy Bia Chợ Lớn từ Hãng BGI và hình thành nên Nhà máy Bia Sài Gòn.
- Năm 1981, Xí nghiệp Liên hiệp Rượu - Bia - Nước giải khát II được chuyển đổi từ Công ty Rượu - Bia Miền Nam.
- Năm 1988, Nhà máy Bia Sài Gòn trở thành đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Xí nghiệp Liên hiệp Rượu - Bia - Nước giải khát II.

Giai đoạn 1988 - 1993:

- Năm 1989 – 1993, hệ thống tiêu thụ có 20 chi nhánh trên cả nước.
- Năm 1993, Nhà máy Bia Sài Gòn phát triển thành Công ty Bia Sài Gòn với các thành viên mới:
 - ✓ Nhà máy Nước đá Sài Gòn;
 - ✓ Nhà máy Cơ khí Rượu Bia;
 - ✓ Nhà máy Nước khoáng ĐaKai;
 - ✓ Công ty Liên doanh Carnaud Metalbox Sài Gòn sản xuất lon;
 - ✓ Công ty Liên doanh Thủy Tinh Malaya Việt Nam sản xuất chai thủy tinh.

Giai đoạn 1994 - 1998:

- Năm 1994 – 1998, hệ thống tiêu thụ có 31 chi nhánh trên cả nước.
- Năm 1995, Công ty Bia Sài Gòn thành lập thành viên mới: Xí Nghiệp Vận Tải.
- Năm 1996, tiếp nhận thành viên mới: Công ty Rượu Bình Tây.
- Năm 1996 – 1998, thành lập các công ty liên kết sản xuất Bia Sài Gòn với các thành viên:
 - ✓ Nhà máy Bia Sài Gòn - Phú Yên;
 - ✓ Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ.

Giai đoạn 1999 - 2002:

- Năm 2000: Đạt được Chứng chỉ Hệ thống Quản lý Chất lượng của BVQI - ISO 9002:1994.
- Năm 2001:
 - ✓ Đạt Chứng chỉ Hệ thống Quản lý Chất lượng của BVQI - ISO 9001:2000.

✓ Thành lập công ty liên kết sản xuất bia với Công ty Bia Sài Gòn - Sóc Trăng gồm các thành viên:

- + Nhà máy Bia Henninger;
- + Nhà máy Bia Hương Sen.

- Năm 2002:

- ✓ Thành lập Công Ty Liên doanh Bia Sài Gòn - Cần Thơ.
- ✓ Thành lập Nhà máy Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh.
- ✓ Thành lập Tổng kho tại Nha Trang, Cần Thơ và Đà Nẵng.

Giai đoạn 2003 - 2008:

- Năm 2003: Thành lập Tổng Công ty Bia - Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn (SABECO) trên cơ sở Công ty Bia Sài Gòn và tiếp nhận các thành viên mới:

- ✓ Công ty Rượu Bình Tây.
- ✓ Công ty Nước giải khát Chương Dương.
- ✓ Nhà máy Thủy tinh Phú Thọ.
- ✓ Công ty Thương mại Dịch vụ Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn.

- Năm 2004: Chuyển sang mô hình Công ty mẹ – công ty con theo Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

- Năm 2006: Hoàn chỉnh hệ thống phân phối trên toàn quốc với tám Công ty Cổ phần Thương mại SABECO khu vực.

- Năm 2007 - 2008:

- ✓ Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn liên tục phát triển lớn mạnh với chủ đạo là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm Bia Sài Gòn và đầu tư mới trên nhiều lĩnh vực, sản phẩm khác.
- ✓ Thực hiện cổ phần hóa Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

Giai đoạn 2010 - 2016:

- Năm 2010:

- ✓ SABECO đạt mức sản lượng sản xuất & tiêu thụ một (1) tỷ lít bia.
- ✓ Khởi công xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn – Ninh Thuận.

- Năm 2011:

- ✓ Khởi công xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh.

- ✓ Khánh thành Nhà máy Bia Sài Gòn Sài Gòn – Phú Lý.
- ✓ Khánh thành Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.
- ✓ Khánh thành Nhà máy Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.
- Năm 2012:
 - ✓ Khởi công xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn – Vĩnh Long.
 - ✓ Khánh thành Nhà máy Bia Sài Gòn – Ninh Thuận.
- Năm 2014:
 - ✓ Khởi công xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn – Kiên Giang.
 - ✓ Khánh thành Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng 2 (Nhà máy 100% vốn của CTCP Bia Sài Gòn Miền Tây).
- Năm 2015:
 - ✓ Kỷ niệm 140 năm lịch sử nguồn gốc Bia Sài Gòn.
 - ✓ Beer 333 Premium Export đã vinh dự được trao giải Vàng quốc tế AIBA 2015 với chứng nhận là sản phẩm tốt nhất có phong cách Lager.
 - ✓ Khánh thành Nhà máy Bia Sài Gòn – Vĩnh Long.
 - ✓ Khởi công xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn – Khánh Hòa.

1.2.2 Các thành tích và sự ghi nhận

Trong suốt lịch sử hình thành và phát triển 140 năm, đặc biệt là giai đoạn kể từ sau ngày thống nhất đất nước, Tổng Công ty đã đạt được nhiều thành tựu trong sản xuất kinh doanh và hoạt động xã hội. Cụ thể:

- SABECO là đơn vị dẫn đầu toàn ngành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. SABECO đã và đang đóng góp vào sự phát triển kinh tế của ngành, địa phương và đất nước.
- SABECO là đơn vị hàng đầu trong chính sách xây dựng và phát triển thị trường, hệ thống phân phối trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm bia của Việt Nam với sản lượng tiêu thụ trên 45% thị phần.
- Thương hiệu Bia Sài Gòn giữ vững được uy tín với khách hàng và ngày càng phát triển, xứng đáng là thương hiệu **LÀ NIỀM TỰ HÀO CỦA VIỆT NAM**.
- SABECO đạt danh hiệu “**Thương hiệu tín nhiệm**” Bia Sài Gòn trong hai mươi hai (22) năm.

- Sản phẩm **Bia Sài Gòn - Hàng Việt Nam chất lượng cao**, được người tiêu dùng bình chọn liên tục trong mười hai (12) năm từ 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007 và 2008.
- Sản phẩm Bia lon 333 đạt **Huy Chương Bạc** tại cuộc thi bình chọn Bia quốc tế tổ chức tại AUSTRALIA năm 1999, 2000 và 2001.
- Bên cạnh những thành tựu về kinh doanh, SABECO cũng luôn đóng góp và các hoạt động công tác xã hội.

Do những thành tựu đã đạt được trong sản xuất kinh doanh và công tác xã hội, Công ty đã đạt được nhiều danh hiệu và khen thưởng.

Các danh hiệu đã được phong tặng:

Huân chương:

- Huân chương Độc lập hạng nhất, năm 2014.
- Huân chương Độc lập hạng nhì, năm 2008.
- Huân chương Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, năm 2008
- Huân chương Anh Hùng Lao động, năm 2008.
- Huân chương Lao động hạng ba, năm 2008.
- Huân chương Độc lập hạng ba, năm 2002.
- Huân chương Chiến công hạng ba, năm 2001.
- Huân chương Lao động hạng nhì cho bốn (04) cá nhân CBCNV từ năm 2001 đến nay.
- Huân chương Lao động hạng ba cho hai mươi (20) cá nhân CBCNV từ năm 2001 đến nay.
- Huân chương Lao động hạng ba, năm 1997.
- Huân chương Lao động hạng nhất, năm 1996.

Cờ thi đua và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

- Cờ Thi đua của Chính phủ, các năm 1994, 1995, 1997, 1998, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2012, 2013, 2015.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho Tổng Công ty các năm 2002, 2005, 2013.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho bảy (07) cán bộ lãnh đạo Tổng Công ty, năm 2004 và 2006.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tám mươi một (81) cá nhân CBCNV từ năm 2001 đến nay.

Công đoàn các cấp tặng thưởng Tổng Công ty:

- Cờ Thi đua cấp Bộ, các năm 2002, 2008, 2009, 2014, 2015.

- Tổng LĐLĐ VN tặng Cờ thi đua các năm 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2003, 2004, 2005, Huân chương Lao động hạng 3 năm 2008.

1.3. Quá trình tăng Vốn điều lệ

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị: Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được điều chỉnh như sau:

- 0300583659 – lần thứ nhất Ngày 29 tháng 02 năm 2012
- 0300583659 – lần thứ hai Ngày 07 tháng 06 năm 2012
- 0300583659 – lần thứ ba Ngày 28 tháng 11 năm 2012
- 0300583659 – lần thứ tư Ngày 29 tháng 01 năm 2016

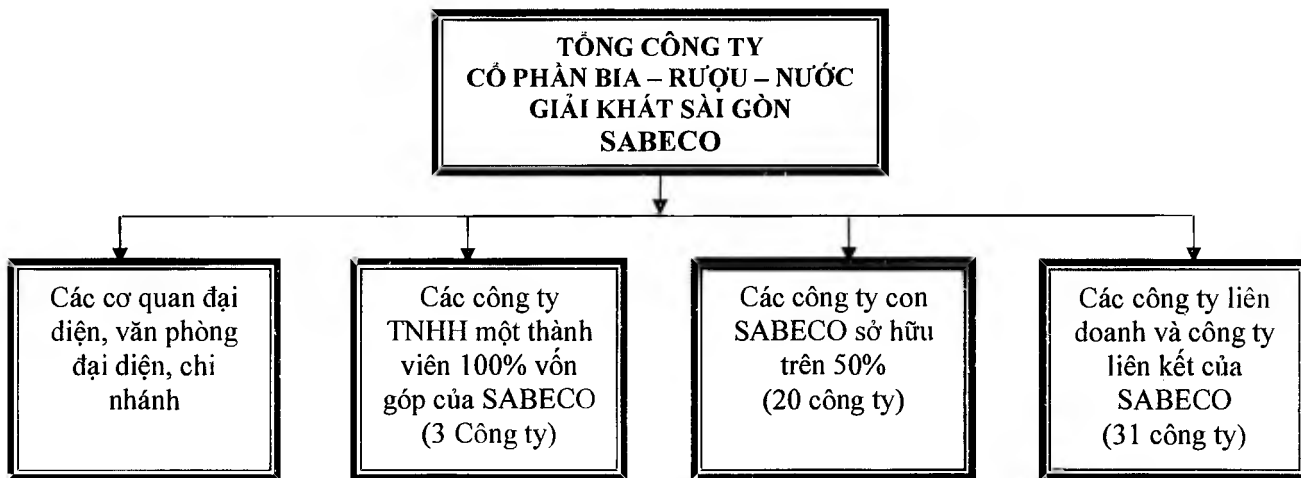
Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ là 6.412.811.860.000 Đồng và từ ngày thực hiện cổ phần hóa cho đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty chưa thực hiện đợt tăng vốn điều lệ nào.

2. Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty

SABECO được tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con với mô hình như sau:

- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (Công ty mẹ);
- Các cơ quan đại diện, văn phòng đại diện, chi nhánh;
- Các công ty TNHH một thành viên 100% vốn góp của SABECO (3 công ty). *Diễn giải chi tiết được thể hiện trong mục 5 và tại thuyết minh báo cáo tài chính.*
- Các công ty con SABECO sở hữu trên 50% (20 công ty). *Diễn giải chi tiết được thể hiện trong mục 5 và tại thuyết minh báo cáo tài chính.*
- Các công ty liên doanh và công ty liên kết của SABECO (31 công ty).

Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty SABECO



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty

3.1 Sơ đồ tổ chức Bộ máy quản lý của Tổng Công ty

Tổng Công ty được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan. Bộ máy quản lý điều hành của Tổng Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Bộ máy giúp việc.

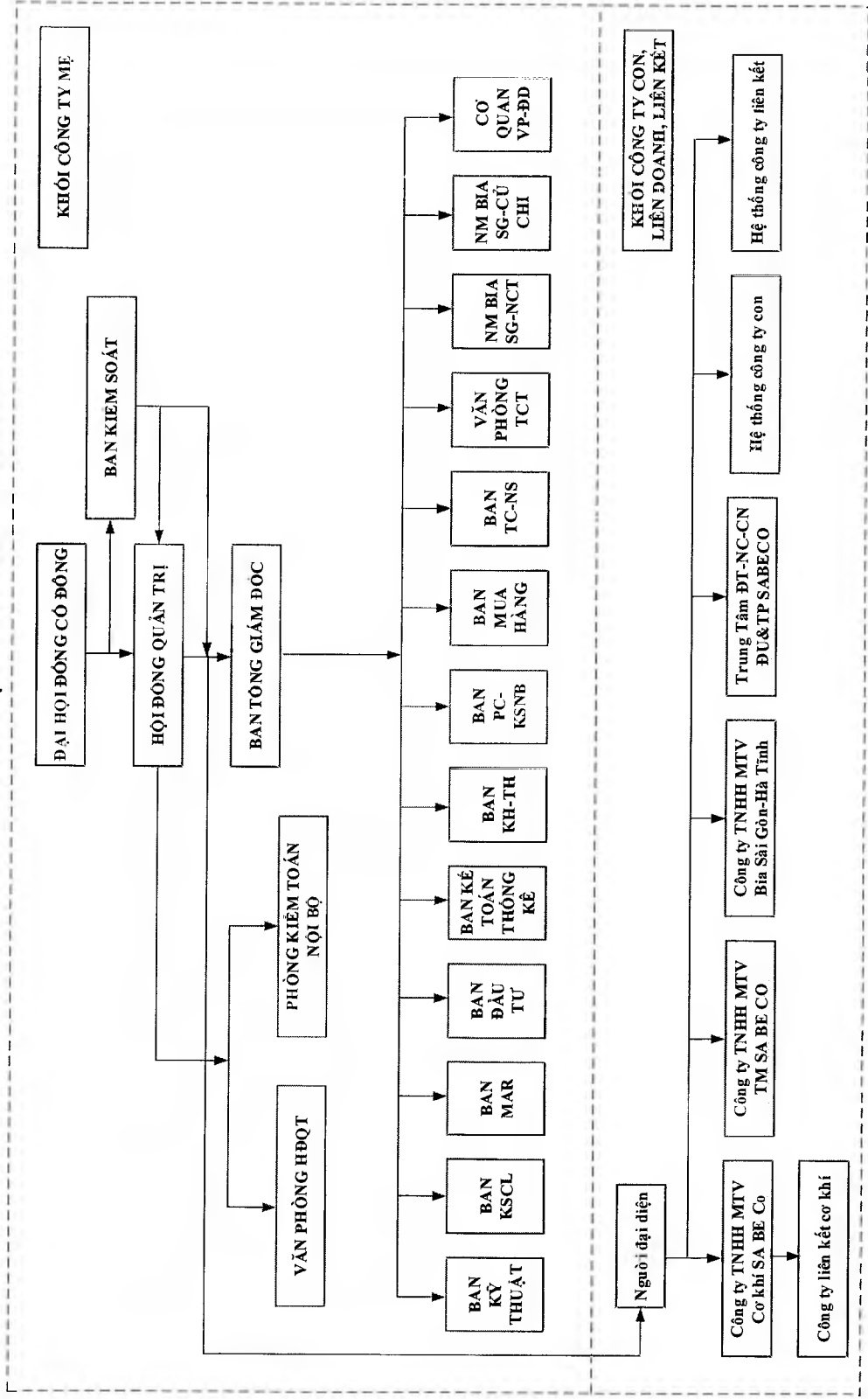
Công ty Mẹ có mười bốn (14) đơn vị, trong đó có mười hai (12) Ban chức năng và hai (2) Nhà máy trực thuộc, cụ thể như sau:

- Văn phòng Hội đồng quản trị
- Cơ quan đại diện SABECO tại phía Bắc
- Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
- Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi
- Văn phòng Tổng Công ty
- Ban Marketing
- Ban Kế toán-Thống kê
- Ban Mua Hàng
- Ban Tổ chức-Nhân sự
- Ban Kỹ thuật
- Ban Kiểm soát chất lượng
- Ban Đầu tư
- Ban Kế hoạch - Tổng hợp
- Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ

Bộ máy tổ chức quản lý của Tổng Công ty được tổ chức theo sơ đồ sau:



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG CÔNG TY



Sơ đồ 3 : Sơ đồ tổ chức hệ thống quản lý Tổng Công ty

3.2 Diễn giải cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông của Tổng Công ty, là cơ quan quyền lực cao nhất của Tổng Công ty, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định khác và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. ĐHĐCĐ sẽ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ bầu, là cơ quan quản trị Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty là bảy (7) thành viên, trong đó số thành viên HĐQT không điều hành chiếm ít nhất một phần ba. Hiện tại, Tổng Công ty có năm (5) thành viên Hội đồng quản trị, trong đó có một Chủ tịch và bốn (4) thành viên.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Tổng Công ty. Theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty, Ban kiểm soát có từ ba (3) đến năm (5) thành viên. Thành viên có nhiệm kỳ năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát của Tổng Công ty hiện có ba (3) thành viên, gồm một (1) Trưởng ban và hai (2) thành viên.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (BAN ĐIỀU HÀNH)

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị trong việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và quyết định

các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm kỳ là năm (5) năm.

Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm giúp cho Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

CÁC BAN NGHIỆP VỤ

Các Ban nghiệp vụ trực tiếp thực hiện công việc theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc. Dưới đây là các Ban nghiệp vụ chính của Tổng Công ty:

Văn phòng Tổng Công ty

Các chức năng chính của Ban này là:

- Giúp việc trực tiếp cho lãnh đạo Tổng Công ty, tổng hợp, điều phối hoạt động các Ban chức năng và đơn vị trực thuộc Tổng Công ty theo chương trình, kế hoạch làm việc của lãnh đạo Tổng Công ty.
- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng Công ty về cải cách hành chính, báo chí, văn thư, lưu trữ;
- Thực hiện công tác hành chính, đối ngoại, tài trợ, quản trị, an ninh của Tổng Công ty;
- Quản lý cơ sở vật chất và các phương tiện làm việc, đảm bảo an ninh, hệ thống mạng, nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cho hoạt động của Tổng Công ty,...

Ban Kế toán-Thống kê

Các chức năng chính gồm có:

- Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động kế toán, thống kê;
- Tổ chức, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế, chính sách, quy định kế toán thống kê, thực hiện quản lý tài sản trong toàn hệ thống;
- Quản lý, lưu giữ các hồ sơ pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất, sở hữu nhà, cổ phần, trái phiếu,...

Ban Mua Hàng

Các chức năng chính gồm có:

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức mua nguyên vật liệu, dịch vụ,....;

- Tổ chức, quản lý cung ứng nguyên vật liệu, dịch vụ đến các nhà máy sản xuất bia trong toàn hệ thống;
- Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc lập chính sách, quy định, quy chế mua hàng hóa, dịch vụ, đề xuất kế hoạch mua hàng và cung ứng;
- Kiểm tra, giám sát, thống kê, báo cáo việc sử dụng hàng hóa, dịch vụ trong toàn hệ thống.

Ban Tổ chức-Nhân sự

Các chức năng chính gồm có: Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược, kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, đào tạo, tuyển dụng và chế độ chính sách lao động, tiền lương đối với cán bộ, nhân viên của Tổng Công ty.

Ban Marketing

Các chức năng chính gồm có:

- Hoạch định, xây dựng và thực hiện các chiến lược, kế hoạch marketing của Tổng Công ty;
- Phối hợp với các Ban liên quan của Tổng Công ty, Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn, các công ty Thương mại khu vực của SABECO trong hoạt động kinh doanh để đạt các mục tiêu kinh doanh của Tổng Công ty.

Ban Kỹ thuật

Các chức năng chính gồm có:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc xây dựng về các quy định, quy trình, thủ tục, chính sách, chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đào tạo trong quy trình sản xuất bia;
- Nghiên cứu phát triển kỹ thuật sản xuất mới cho các lĩnh vực liên quan;
- Tổ chức quản lý hệ thống thông tin kiểm soát quá trình sản xuất;
- Phối hợp với các Ban chức năng của Tổng Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất và xử lý sản phẩm không phù hợp;
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về đánh giá năng lực sản xuất và chuyển giao công nghệ cho các đơn vị sản xuất trong hệ thống;
- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tuân thủ quy trình công nghệ, về sinh an toàn thực phẩm và môi trường của các đơn vị sản xuất trong hệ thống;

- Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch thử nghiệm, đổi mới, phát triển sản phẩm hiện hữu và sản phẩm mới.

Ban Kiểm soát chất lượng

Các chức năng chính gồm có:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật đã được ban hành;
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, xác nhận chất lượng nguyên liệu, bao bì, nhãn mác đầu vào và thành phẩm bia theo tiêu chuẩn của Tổng Công ty trong toàn hệ thống;
- Quản lý chất lượng men giống và hoạt động nhân men giống.

Ban Đầu tư

Các chức năng chính gồm có:

- Tham mưu, giúp việc cho Phó Tổng giám đốc Đầu tư, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị trong lĩnh vực quy hoạch và xây dựng chiến lược phát triển các Nhà máy bia thuộc hệ thống SABECO; Kế hoạch đầu tư: hàng năm và dài hạn cho Tổng Công ty; Tham gia hoạch định và triển khai hệ thống kho bãi phục vụ kinh doanh bia cho toàn hệ thống SABECO;
- Quản lý, kiểm soát việc thực hiện công tác quy hoạch, chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư hàng năm và dài hạn, hệ thống kho bãi theo phê duyệt của cấp thẩm quyền;
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Tổng công ty trong hệ thống SABECO. Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư cho cấp thẩm quyền SABECO và Bộ chủ quản;

Ban Kế hoạch - Tổng hợp

Chức năng chính gồm có:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc thực hiện quản lý tài chính, kiểm tra và giám sát tài chính các đơn vị trong hệ thống;
- Quản lý ngân sách, quản lý tài chính của Tổng Công ty và tài sản của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty;
- Tham mưu chiến lược đầu tư tài chính nhằm khai thác cơ hội đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn tài chính trong đầu tư;
- Xây dựng, tổng hợp và lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được duyệt của Tổng Công ty đối với các đơn vị.

Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ

Chức năng chính gồm có:

- Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty và người lao động, tổ chức thanh tra, kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty và các đơn vị trong hệ thống;
- Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xây dựng và ban hành các quy chế, nội quy, quy định, hệ thống văn bản, thủ tục của Tổng Công ty,...;
- Cảnh báo các rủi ro, phân tích các sai phạm về đề xuất với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc các giải pháp khắc phục,...;
- Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thiết lập, triển khai, duy trì Hệ thống quản lý Chất lượng – An toàn thực phẩm – Môi trường của Tổng Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Tổng Công ty

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông (06/10/2016), Nhà nước là cổ đông lớn duy nhất, sở hữu 89,59 % vốn cổ phần của Tổng Công ty. Thông tin về cổ đông lớn như sau:

Bảng 5: Danh sách cổ đông lớn của Tổng Công ty

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bộ Công Thương (Cổ đông Nhà nước)	54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	574.519.134	89,59%
Tổng cộng			574.519.134	89,59%

Nguồn: SABECO

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Nhà nước là cổ đông sáng lập của Tổng Công ty. Tỉ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông sáng lập tại thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 6: Danh sách cổ đông sáng lập của Tổng Công ty

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bộ Công Thương (Cổ đông Nhà nước)	54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	574.519.134	89,59%
Tổng cộng			574.519.134	89,59%

Nguồn: SABECO

Đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã chấm dứt.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông (06/10/2016), Tổng Công ty có 1.227 cổ đông, với cơ cấu sở hữu cổ phần như sau:

Bảng 7: Cơ cấu sở hữu cổ phần của Tổng Công ty

Đơn vị: Triệu Đồng

Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Cổ đông trong nước	1.113	531.056.097	90,61%
Tổ chức	28	576.701.314	89,93%
Cá nhân	1.085	4.357.783	0,68%
Cổ đông nước ngoài	114	60.225.089	9,39%
Tổ chức	17	59.948.389	9,35%
Cá nhân	97	276.700	0,04%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng số	1.227	641.281.186	100%

Nguồn: SABECO

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1 Những công ty SABECO nắm giữ từ trên 50% số lượng cổ phần

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty có hai mươi ba (23) công ty con. Trong đó sở hữu trực tiếp tại mười hai (12) công ty và gián tiếp tại mười một (11) công ty. Số liệu về vốn góp và tỉ lệ sở hữu như sau:

Bảng 8: Danh sách các Công ty con

Đơn vị: Triệu Đồng

S T T	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp của SABECO	Tỷ lệ nắm giữ (%) (**)
1	Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây	Khu công nghiệp Trà Nóc, Đường số 2, TP. Cần Thơ	Sản xuất, kinh doanh bia	145.000	73.950	51,00
2	Công ty CP Nước giải khát Chương Dương	Số 379 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. HCM	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát	85.000	52.615	62,06
3	Công ty CP Bia Sài Gòn Quảng Ngãi	Khu công nghiệp Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Sản xuất, kinh doanh bia	450.000	299.500	66,56
4	Công ty CP Rượu Bình Tây	Số 621 Phạm Văn Chí, Quận 6, TP. HCM	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu, nước giải khát	140.000	128.457	93,47
5	Công ty CP Bia Rượu Sài Gòn Đồng Xuân	Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất bia, nước giải khát có ga	30.000	15.371	56,24
6	Công ty CP Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh	Số 54 Phan Đăng Lừu, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	Sản xuất, kinh doanh bia, nước giải khát	105.000	57.470	54,73
7	Công ty CP Bia Sài Gòn Sông Lam	Số 3 Trần Phú, Phường Lê Mao, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	Sản xuất, kinh doanh bia, nước giải khát	450.000	309.500	68,78
8	Công ty CP Bia Sài Gòn Hà Nội	A2 CN8 KCN Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh bia, nước giải khát	180.000	93.800	52,11
9	Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	12 Đông Du, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát	700.000	700.000	100,0

S T T	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp của SABECO	Tỷ lệ năm giữ (%) (**)
10	Công ty TNHH MTV Cơ Khí SABECO	Số 3E / 5 Đường Phồ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm, lắp đặt, bảo trì	59.366	59.366	100,0
11	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Hà Tĩnh	Km 12 đường tránh TP Hà Tĩnh, Xã Thạch Tân, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	Sản xuất, kinh doanh bia, mạch nha ủ men, nước khoáng, rượu,...	120.000	120.000	100,0
12	Công ty CP Bao bì Bia Sài Gòn	Khu Công Nghiệp Tân Đông Hiệp B, Đường 2, P. Tân Đông Hiệp, TX. Dĩ An, Bình Dương	Sản xuất nắp khoén, bao bì kim loại	71.770	55.126	76,81
13	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	Lô CN - 01 - 05 Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua, bán bia, nước giải khát, kinh doanh nhà hàng,...	39.720	36.000 (*)	94,72
14	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	Khu công nghiệp nhỏ Đông Vinh, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua, bán bia, nước giải khát, kinh doanh nhà hàng,...	38.842	36.000 (*)	94,92
15	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	12 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận I, Tp.HCM	Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn, bán buôn hóa chất,...	87.859	81.000 (*)	93,92
16	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Số 07 Đường số 1, Khu Công nghiệp An Đồn, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng	Mua, bán bia, nước giải khát, kinh doanh nhà hàng,...	60.000	54.000 (*)	91,04
17	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	Km7-Nguyễn Chí Thanh- P.Tân An-Tp.Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk	Mua, bán bia, nước giải khát, kinh doanh nhà hàng,...	39.762	35.785 (*)	90,00
18	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	Quốc Lộ 1 - Xã Diên Phú - Huyện Diên Khánh - Khánh Hòa	Mua, bán bia, nước giải khát, kinh doanh nhà hàng,...	60.000	54.000 (*)	90,14
19	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	9/23 Đại lộ Bình Đông, P.Phú Thọ, Thị xã Thủ Đầu Một, Bình Dương	Mua, bán bia, nước giải khát,...	40.210	36.189 (*)	90,68

S T T	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp của SABECO	Tỷ lệ nắm giữ (%) (**)
20	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, TPVL, tỉnh Vĩnh Long,	Mua, bán bia, nước giải khát, kinh doanh nhà hàng,...	40.000	36.000 (*)	90,00
21	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	1/1A Đinh Tiên Hoàng, P. Thới Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Mua, bán bia, nước giải khát,...	40.290	36.261 (*)	90,00
22	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Lô S, KCN An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Sóc Trăng	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ men bia, ...	45.000	22.950 (*)	51,00
23	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	2A, Khu Công Nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Mua, bán bia, rượu, nước giải khát ...	40.000	36.000 (*)	90,45
Tổng cộng				3.067.819	2.429.340	

Nguồn: BCTC Công ty Mẹ, BCTC bán niên năm 2016 đã soát xét và BCTC 9 tháng năm 2016.

() Sở hữu gián tiếp: Theo Nghị quyết số 63/2016/NQ-HĐQT ngày 20/10/2016 của Hội đồng quản trị, tại thời điểm lập Bản cáo bạch này, Tổng công ty đã tiến hành làm thủ tục chuyển toàn bộ vốn góp của Công ty TNHH MTV Thương Mại Bia Sài Gòn tại các Công ty Cổ phần Thương mại khu vực về Tổng công ty quản lý.*

*(**) Tỷ lệ sở hữu hợp nhất.*

5.2 Những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối SABECO





Không.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các sản phẩm chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát. Bia là lĩnh vực chiếm tỉ trọng lớn nhất, trên 87% tổng doanh thu của Tổng Công ty trong năm 2014 và 2015. Máng rượu và nước giải khát chiếm tỉ trọng không đáng kể. Các sản phẩm bia chủ lực của Tổng Công ty gồm có Bia Lon Sài Gòn 333, Bia Chai Sài Gòn 355, Bia Chai Sài Gòn 450, Bia Chai Sài Gòn 330, Bia Lon Sài Gòn 330.

Bảng 9: Các sản phẩm chính của SABECO

TT	Sản phẩm	Tên thương hiệu	Hình ảnh	Thị trường tiêu thụ
1	<i>Bia Lon Sài Gòn 333</i>	333 EXPORT		Trong nước: Toàn quốc. Nước ngoài: Trên 27 nước như Nhật, Malaysia, Singapore, Hà lan, Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Anh, Đan Mạch, Mỹ, Canada, Australia...
2	<i>Bia Chai Sài Gòn 355</i>	SAIGON EXPORT		Trong nước: Toàn quốc Nước ngoài: Trên 27 nước như Nhật, Malaysia, Singapore, Hà lan, Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Anh, Đan Mạch, Mỹ, Canada, Australia...
3	<i>Bia Lon Sài Gòn 330 và Bia Chai Sài Gòn 450, 355</i>	SAIGON LARGER BEER		Trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
4	<i>Bia Lon Sài Gòn 330 và Bia Chai Sài Gòn 330</i>	SAIGON SPECIAL		Trong nước: Toàn quốc. Nước ngoài: Trên 27 nước như Nhật, Malaysia, Singapore, Hà lan, Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Anh, Đan Mạch, Mỹ, Canada, Australia...

Các sản phẩm khác:

- Rượu Bình Tây;
- Rượu Đông Xuân;
- Nước giải khát Chương Dương;

Các sản phẩm này do các công ty con đang quản lý và khai thác sử dụng.

6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị qua các năm

Tổng Công ty có các lĩnh vực hoạt động chính: bia, rượu, nước giải khát, cồn, bao bì và vật tư. Trong đó, bia là lĩnh vực kinh doanh chủ đạo, chiếm trên 87% doanh thu của Tổng Công ty trong năm 2015. Sau đây là các thông tin về cơ cấu sản lượng, doanh thu thuần và lợi nhuận gộp trong năm 2014, 2015 và đến Quý 3 năm 2016.

6.2.1 Cơ cấu sản lượng

Trong năm 2014 và 2015, tình hình cạnh tranh trên thị trường đồ uống đã trở nên vô cùng quyết liệt, đặc biệt trong lĩnh vực bia, khi các công ty nước ngoài gia tăng công suất các nhà máy sản xuất. Trong môi trường cạnh tranh như vậy, Tổng Công ty đã có các chiến lược, chính sách phù hợp để giữ vững vị thế dẫn đầu trong ngành bia. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2014 và 2015 đều vượt các mục tiêu đề ra. Sản lượng tiêu thụ Bia Sài Gòn các loại năm 2014 đạt 1.356 triệu lít, vượt 1,49% so với kế hoạch. Năm 2015, sản lượng tiêu thụ Bia Sài Gòn các loại đạt 1.466 triệu lít, vượt 5,62% so với kế hoạch. Đối với lĩnh vực rượu và cồn, sản lượng tiêu thụ rượu và cồn năm 2014 chỉ đạt 65% mục tiêu kế hoạch (3,48 triệu lít) và năm 2015 chỉ đạt 82,8% mục tiêu kế hoạch (3,19 triệu lít), trong đó rượu đạt 1,34 triệu lít (82,2% kế hoạch). Sản lượng tiêu thụ nước giải khát năm 2015 giảm 14,3% so với năm 2014.

Bảng 10: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ các loại sản phẩm

Đơn vị tính: 1.000 lít

STT	CHỈ TIÊU	2014	2015	% tăng /giảm	Kế hoạch 2016	6 tháng 2016	9 tháng 2016
1	Bia Sài Gòn các loại	1.356.111	1.466.347	8,13%	1.490.000	780.127	1.152.303
2	Nước giải khát	35.007	30.000	-14,30%	37.752	16.577	23.327
3	Rượu các loại	1.388	1.344	-3,16%	1.268	507	734
4	Cồn các loại	2.091	1.849	-11,57%	1.620	794	1.192

Nguồn: SABECO

6.2.2 Cơ cấu doanh thu thuần

Bia và nguyên vật liệu sản xuất bia là hai nhóm chính đem lại doanh thu cho SABECO, chiếm trên 98% tổng doanh thu thuần. Trong đó, bia chiếm 87,21% và nguyên vật liệu chiếm 10,82% tổng doanh thu thuần trong năm 2015. Bia chiếm 86,3% và nguyên vật liệu chiếm 11,96% tổng doanh thu thuần trong 9 tháng đầu năm 2016.

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu thuần các loại sản phẩm chính

Đơn vị: Triệu Đồng

T T	Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng 2016		9 tháng 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bia	21.025.915	85,43	23.673.897	87,21	12.978.185	88,07	18.820.843	86,30
2	Nguyên vật liệu sản xuất bia	2.954.538	12,01	2.936.146	10,82	1.503.524	10,20	2.607.254	11,96
3	Nước giải khát	404.778	1,64	354.805	1,31	184.756	1,25	263.729	1,21
4	Cồn	52.580	0,21	46.468	0,17	18.485	0,13	31.109	0,14
5	Rượu	27.380	0,11	29.409	0,11	10.422	0,07	16.669	0,08
6	Lĩnh vực khác	145.686	0,59	103.576	0,38	40.404	0,27	69.226	0,32
	Cộng	24.610.877	100,0	27.144.301	100,0	14.735.775	100,0	21.808.830	100,0

Ghi chú: Tỷ trọng nguyên liệu sản xuất bia 9 tháng năm 2016 tăng 2,5% so với năm 2015 do thời điểm tháng 06/2016 Tổng công ty có chủ trương cho phép tăng lượng dự trữ nguyên vật liệu tồn kho đối với các đơn vị hợp tác sản xuất bia từ 1 tháng lên 2 tháng.

Nguồn: SABECO

6.2.3 Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bia là lĩnh vực chính đem lại lợi nhuận chính cho Tổng Công ty khi chiếm trên 95% lợi nhuận gộp trong năm 2014 và hơn 97% trong năm 2015. Đối với nguyên vật liệu sản xuất bia, để quản lý chất lượng, thương hiệu mẫu mã Tổng công ty đang trực tiếp là đầu mối thu mua và chuyển nhượng theo phương thức phi lợi nhuận đối với các đơn vị trong hệ thống nên tỷ trọng lợi nhuận gộp chỉ chiếm 2,65% trong năm 2014 và 0,89% năm 2015.

Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp các nhóm sản phẩm

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng 2016		9 tháng 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bia	5.905.891	95,50	7.363.823	97,43	3.905.660	96,26	5.757.784	95,78
2	Nguyên vật liệu sản xuất bia	163.692	2,65	67.625	0,89	54.870	1,35	158.407	2,64
3	Nước giải khát	114.271	1,85	106.073	1,40	61.999	1,53	86.008	1,43
4	Cồn	-1.745	-0,03	631	0,01	1.199	0,03	1.696	0,03
5	Rượu	2.199	0,04	3.185	0,04	1.915	0,05	2.454	0,04
6	Khác	106	0,00	16.406	0,22	31.938	0,79	5.058	0,08
	Cộng	6.184.413	100,0	7.557.744	100,0	4.057.582	100,0	6.011.407	100,0

Nguồn: SABECO

6.3 Nguyên vật liệu chính

6.3.1 Nguyên vật liệu sản xuất bia

Bia là một trong các đồ uống lâu đời nhất mà loài người đã tạo ra, có niên đại ít nhất là từ thiên niên kỷ thứ năm trước công nguyên, bia được sản xuất từ các loại nguyên liệu chính là nước, malt, gạo, hoa houblon, sau quá trình lên men, sẽ cho ra một loại đồ uống giàu dinh dưỡng, có hương thơm đặc trưng, độ cồn thấp, vị đắng dịu và lớp bọt trắng mịn với hàm lượng CO₂ phù hợp. Ngoài ra, trong bia còn chứa một hệ enzym khá phong phú, đặc biệt là nhóm enzym kích thích tiêu hóa amylaza. Các nguyên liệu chính để sản xuất bia gồm có:

▪ Nước

Do thành phần chính của bia là nước nên nguồn nước và các đặc trưng của nó có ảnh hưởng rất quan trọng tới các đặc trưng của bia. Nhiều loại bia chịu ảnh hưởng hoặc thậm chí được xác định theo đặc trưng của nước trong khu vực sản xuất bia.

▪ Malt

Hạt đại mạch được ngâm vào trong nước, nảy mầm và sau đó làm khô hạt đã nảy mầm trong các lò sấy để thu được hạt đại mạch đã mạch nha hóa (malt). Mục tiêu chủ yếu của quy trình này giúp hoạt hóa enzyme, chuyển hóa một phần các chất dự trữ thành đường và các hợp chất phân tử khác. Hệ enzym này là chất xúc tác giúp chuyển hóa tinh bột trong hạt thành đường hòa tan trong dịch nha, sau đó các chất này được tế bào men chuyển thành bia.

▪ **Hoa houblon**

Hoa houblon được con người biết đến và đưa vào sử dụng khoảng ba ngàn năm trước Công nguyên. Đây là thành phần rất quan trọng và không thể thay thế được trong quy trình sản xuất bia. Hoa houblon giúp mang lại cho bia có hương thơm rất đặc trưng, làm tăng khả năng tạo và giữ bọt, làm tăng độ bền keo và ổn định thành phần sinh học của sản phẩm.

▪ **Gạo/Ngũ cốc**

Gạo/ngũ cốc là một thành phần nguyên liệu có thể có hoặc không được sử dụng trong sản xuất các loại bia để tạo ra loại bia đặc trưng từng vùng miền. Gạo/ngũ cốc được đưa vào chế biến dưới dạng bột nghiền mịn để dễ tan trong quá trình hồ hóa, sau đó được phối trộn cùng với bột malt sau khi đã đường hóa. Trong sản xuất bia, các nhà sản xuất thường chọn gạo/ngũ cốc có hàm lượng tinh bột cao.

▪ **Men**

Men bia là các vi sinh vật có tác dụng lên men đường thành cồn, khí CO₂ và các sản phẩm phụ khác. Các giống men bia cụ thể được lựa chọn để sản xuất các loại bia khác nhau.

6.3.2 Sự ổn định của các nguồn nguyên vật liệu

Để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào với chất lượng cao nhất và để chủ động được nguồn nguyên liệu đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty thực hiện đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu. SABECO luôn tích cực tìm kiếm, hợp tác với các nhà cung cấp có năng lực và uy tín cả trong và ngoài nước. Chính vì vậy luôn đảm bảo hiệu quả, đáp ứng đủ, kịp thời, đạt chất lượng và giá cả cạnh tranh cho quá trình sản xuất kinh doanh mặc dù thị trường nguyên vật liệu luôn bị tác động bởi nhiều yếu tố như thời tiết, mùa vụ, chính trị, kinh tế, xã hội,...

▪ **Nguyên vật liệu nhập khẩu**

SABECO nhập khẩu các mặt hàng như malt, houblon, enzyme từ các nước trong khu vực châu Âu, châu Úc và Mỹ. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu nhập khẩu cho SABECO đều là những nhà cung cấp hàng đầu thế giới có năng lực, nổi tiếng và uy tín.

▪ **Nguyên vật liệu mua trong nước**

Những nhà cung cấp cho SABECO đều là những nhà sản xuất nguyên vật liệu, bao bì hàng đầu của Việt Nam. SABECO đa dạng hóa nhà cung cấp để đáp ứng được nhu cầu của các nhà máy của SABECO trong toàn bộ hệ thống trải dài khắp cả nước với chi phí hợp lý nhất.

6.3.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

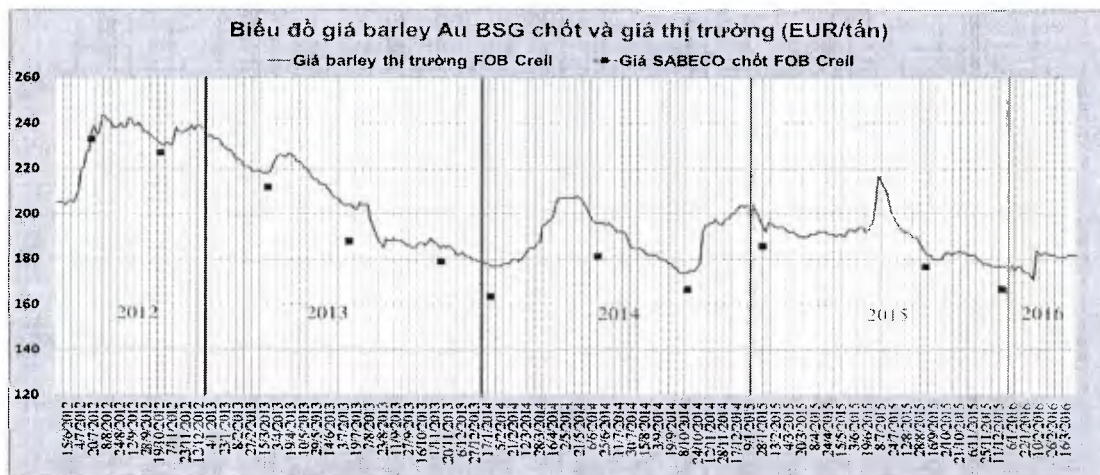
Do nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm nên việc thay đổi giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận của Tổng Công ty. Tổng Công ty luôn theo dõi chặt chẽ, phân tích đánh giá tình hình thị trường nguyên vật liệu, quyết đoán trong hoạt động thương lượng, chọn thời điểm chốt giá hợp lý để đem lại lợi thế cho Tổng Công ty.

▪ **Malt**

Tổng Công ty luôn nỗ lực dự báo để có thể mua được nguyên liệu malt với giá tốt nhất có thể trong thời điểm sản xuất. Đối với năm 2016, Tổng Công ty đã mua đủ số lượng malt cho kế hoạch sản xuất của năm 2016. Sơ đồ dưới đây cho thấy mức giá mua nguyên liệu malt của Tổng Công ty trong giai đoạn năm 2012 – 2016.

Tổng Công ty đã thương lượng và chọn lựa thời điểm để có được giá tốt so với giá thị trường cùng thời điểm. Những thời điểm chốt giá của Tổng Công ty theo Sơ đồ dưới đây.

Sơ đồ 4



Nguồn: SABECO

Giá nguyên liệu malt có xu hướng giảm từ giữa năm 2012 đến đầu năm 2014 và tăng lại đến thời điểm tháng 4/2014, sau đó giảm đến tháng 9/2014. Từ đầu năm 2015 đến nay, giá nguyên liệu malt có xu hướng giảm. Giá nguyên liệu malt hiện tại đang ở mức thấp từ giai đoạn 2012 đến nay, tuy nhiên đã phục hồi trong năm 2016.

▪ **Vỏ lon nhôm**

Bộ phận Mua hàng của Tổng Công ty đã phân tích, đánh giá, dự báo và chọn thời điểm mua phù hợp, kết quả mua vỏ lon nhôm phục vụ sản xuất 2016 với giá mua thấp nhất trong vòng năm (5) năm qua.

Theo sơ đồ dưới đây, giá nhôm trung bình đã giảm từ giai đoạn 2012 đến cuối năm 2013. Sau đó tăng đến tháng 8/2014 và giảm đến mức thấp tại thời điểm cuối năm 2015. Từ đầu năm 2016 đến nay, giá nhôm đã có xu hướng tăng trở lại. Tổng Công ty đã đặt mua lon nhôm để phục vụ cho kế hoạch sản xuất năm 2016 với giá tốt nhất trong giai đoạn năm (5) năm qua.

Sơ đồ 5



Nguồn: London Metal Exchange.

▪ **Houblon**

Vụ mùa năm 2015 sản lượng houblon giảm khoảng 40% so với vụ mùa năm 2014, do vậy lượng cung trên thế giới khan hiếm và giá cả houblon vụ 2015 tăng đột biến so với vụ 2014. Tuy nhiên Tổng Công ty liên tục cập nhật tình hình thị trường, tìm kiếm mua houblon từ nhiều nguồn cung khác nhau và kết quả đã mua đủ số lượng houblon phục vụ sản xuất năm 2016.

6.4 Chi phí sản xuất

Trong số ba doanh nghiệp dẫn đầu thị phần bia Việt Nam (theo sản lượng tiêu thụ) trong năm 2015, SABECO là doanh nghiệp dẫn đầu, tiếp theo là Công ty Heineken Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần Bia Hà Nội (HABECO). SABECO và HABECO là hai doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối do Bộ Công Thương quản lý và có phương thức quản trị tương đồng.

Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015, tỉ lệ tổng chi phí trên doanh thu thuần năm 2015 của SABECO là 86,9%. Theo số liệu Bảng 13, tỉ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần của SABECO năm 2015 có xu hướng giảm so với năm 2014.

Bảng 13: So sánh tỉ lệ chi phí trên doanh thu thuần giai đoạn 2014 – 2015 và 9 tháng 2016

Đơn vị: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng 2016	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1. Doanh thu thuần	24.610.877	100	27.144.302	100	21.808.830	100
2. Giá vốn hàng bán	18.426.464	74,9	19.586.558	72,2	15.797.423	72,4
3. Chi phí tài chính	89.058	0,4	121.795	0,4	53.587	0,2
4. Chi phí bán hàng	2.342.286	9,5	2.682.882	9,9	1.770.077	8,1
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	912.174	3,7	1.110.423	4,1	487.624	2,2
6. Chi phí khác	76.331	0,3	95.885	0,4	87.575	0,4
Tổng chi phí	21.846.313	88,7	23.597.543	86,9	18.196.285	83,4

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán, BCTC 9 tháng 2016 và tính toán.

6.5 Trình độ công nghệ

Bia được sản xuất từ các loại nguyên liệu chính là nước, malt, gạo, hoa houblon. Sau quá trình lên men, sẽ cho ra một loại thức uống giàu dinh dưỡng, có hương thơm đặc trưng, độ cồn thấp, vị đắng dịu và lớp bọt trắng mịn với hàm lượng CO₂ phù hợp. Ngoài ra, trong bia còn chứa một hệ enzym khá phong phú, đặc biệt là nhóm enzym kích thích tiêu hóa amylaza.

Quá trình sản xuất bia là phức tạp và dao động một cách đáng kể giữa các nhà sản xuất. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, quy trình công nghệ sản xuất bia của SABECO vẫn luôn giữ được các nét đặc trưng riêng của mình. Quy trình sản xuất bia bao gồm các bước chính như sau đây:

▪ **Nấu**

Trong quá trình này: gạo sẽ được nghiền, phối nước và malt lót để nấu thực hiện hồ hóa, dịch hóa trong nồi gạo, tương tự như vậy tại nồi malt, malt sau khi được nghiền sẽ hòa tan chung với nước theo một tỷ lệ phù hợp. Quá trình hội cháo từ nồi gạo sang malt, dưới tác dụng của các enzyme ở nhiệt độ, pH nhất định, tinh bột sẽ được đường hóa trong “nồi nấu malt”. Kết thúc đường hóa, dịch được bơm sang nồi lọc. Mục đích chính của giai đoạn này là tách dịch đường trong ra khỏi thành phần không hòa tan như vỏ trấu, chất xơ.

Sau đó, tại nồi đun sôi, dịch đường này sẽ được bổ sung hoa houblon nhằm trích ly chất đắng, tinh dầu thơm, polyphenol, kết tủa các protein để biến đổi nó thành dịch đường có vị đắng và hương thơm dịu của hoa. Đồng thời quá trình này cũng giúp tăng độ bền keo của dịch đường, thành phần sinh học của nó được ổn định và tăng hoạt tính sức căng bề mặt tham gia vào quá trình tạo và giữ bọt.

Sau khi quá trình đun sôi và houblon hóa kết thúc thì toàn bộ lượng oxy đã bay ra ngoài theo hơi nước và trong dịch đường có rất nhiều cặn. Do đó dịch đường cần được bơm qua bồn lắng cặn theo phương pháp lắng xoáy để tách cặn trước khi đưa qua bộ phận làm lạnh nhanh, đưa nhiệt độ xuống đến mức phù hợp với nhiệt độ lên men.

▪ **Lên men**

Là giai đoạn quyết định để chuyển hóa dịch đường đã houblon hóa thành bia dưới tác động của nấm men thông qua hoạt động sống của chúng. Phản ứng sinh học chính của quá trình này tạo cồn và CO₂. Ngoài ra, nhà sản xuất còn thu được một dịch lên men có nhiều cấu tử với tỉ lệ về khối lượng của chúng hài hòa và cân đối. Có thể chia quá trình lên men thành hai giai đoạn: quá trình lên men chính nhằm thay đổi lớn về lượng và biến đổi sâu sắc về chất trong các cấu tử hợp thành chất hòa tan của dịch đường; quá trình lên men phụ nhằm chuyển hóa hết phần đường có khả năng lên men còn tồn tại trong bia non, đồng thời làm ổn định thành phần và tính chất cảm quan hương vị của sản phẩm.

▪ **Làm trong bia**

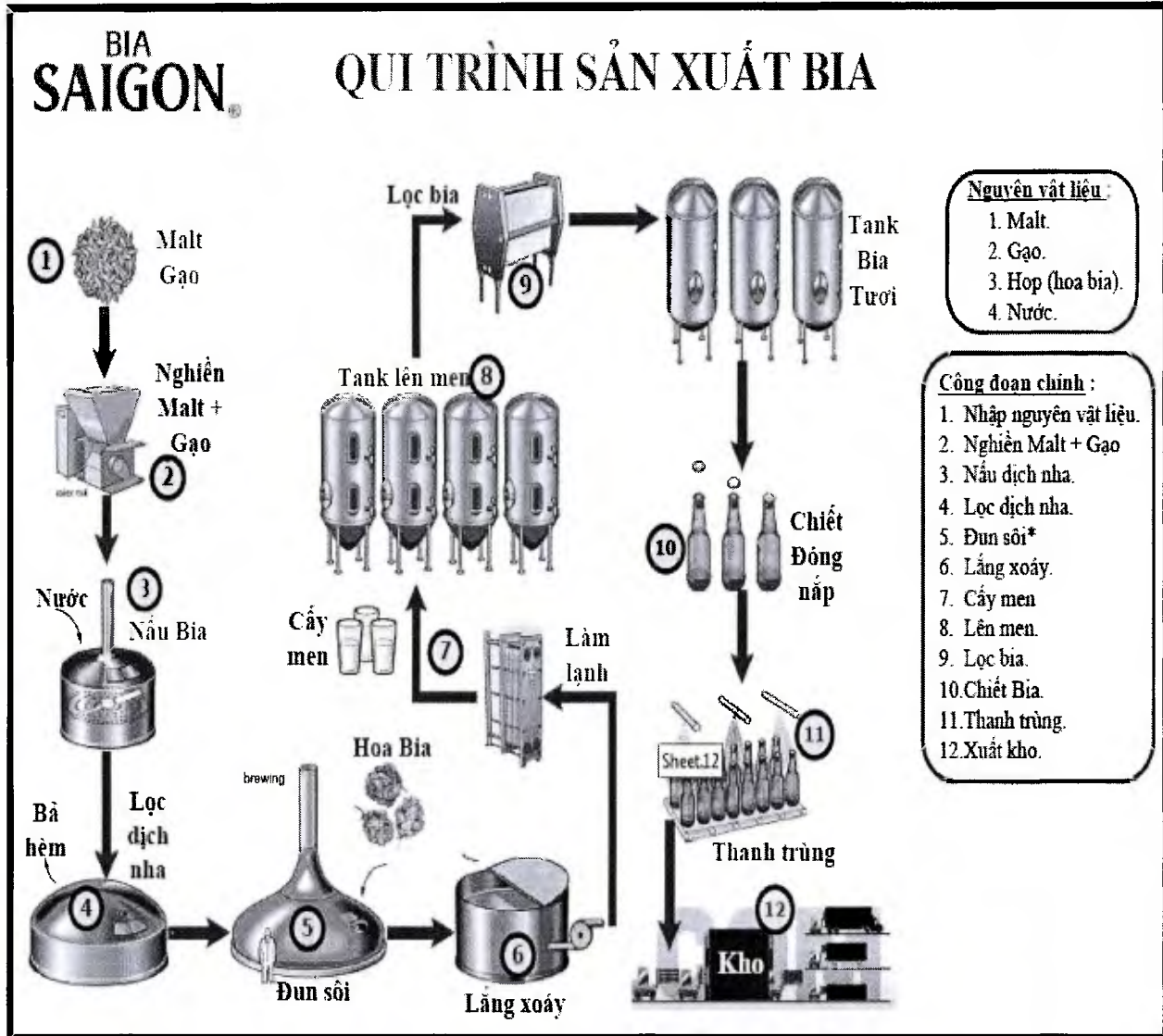
Đây là quá trình tách các hạt dạng keo, nấm men sót, các phức chất protein – polyphenol, và nhiều loại hạt li ti khác để tăng thời gian bảo quản và lưu hành sản phẩm trên thị trường, tăng giá trị cảm quan về độ trong suốt của bia.

▪ **Đóng gói**

Để lưu trữ, vận chuyển và phân phối đến người tiêu dùng, bia được chiết rót vào chai, lon sau đó được thanh trùng bằng nhiệt nhằm tiêu diệt hoàn toàn các tế bào còn sống, vi sinh vật có hại ảnh hưởng đến tuổi thọ sản phẩm.

Sơ đồ quy trình sản xuất bia được mô tả như Sơ đồ dưới đây.

Sơ đồ 6: Quy trình sản xuất bia



6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nhằm góp phần đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người tiêu dùng và đa dạng hóa danh mục sản phẩm, SABECO đang tiến hành các hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm

mới cho ngành hàng bia, rượu và nước giải khát và nâng cấp nhãn hiệu bao bì cũng như chất lượng sản phẩm hiện có. Tổng Công ty đang thực hiện hai mảng nghiên cứu chính sau đây:

Các dự án nghiên cứu đang triển khai:

- Tập trung vào tiết kiệm tài nguyên (điện, nước, hơi nóng).
- Nâng cao hiệu quả, hiệu suất của quá trình sản xuất như: thu hồi bia từ men thải, thu hồi dịch nha,...

Các dự án nghiên cứu sản phẩm mới:

- Các dòng sản phẩm cao cấp, bia có độ cồn cao dành cho các dịp lễ hội.
- Bia 333 độ cồn thấp để phù hợp với xu hướng chung trên thế giới.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

6.7.1 Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn và quy định thống nhất cho tất cả các Nhà máy trên toàn quốc và áp dụng cho toàn bộ quy trình sản xuất từ khâu nguyên liệu đến thành phẩm tiêu thụ để đáp ứng các tiêu chuẩn về sản phẩm đồ uống theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn của Tổng Công ty.

Hiện tại các Nhà máy của Tổng Công ty đã đạt Chứng nhận chất lượng như sau:

- Hai mươi một (21) Nhà máy sản xuất bia của Tổng Công ty đã có chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và Hệ thống Quản lý An toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn ISO 22000:2005/HACCP;
- Một (1) Nhà máy đạt Chứng nhận tích hợp Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và Hệ thống Quản lý An toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn ISO 22000:2005/HACCP;
- Hai mươi hai (22) Nhà máy đạt Chứng nhận Hệ thống Quản lý môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14001:2004;
- Hai (2) Nhà máy đạt Chứng nhận Hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn ISO 17.025 và đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn ISO 17.025 cho chín (9) Nhà máy khác, đang chờ được cấp Chứng nhận.

Thông tin cụ thể về Giấy Chứng nhận của các Nhà máy như Bảng 14 sau đây:

Bảng 14: Danh sách các Nhà máy và chứng nhận quản lý chất lượng

Stt	Đơn vị	Hệ thống QLCL theo TC ISO 9001:2008	Hệ thống QL ATTP theo TC ISO 22000:2005/HACCP	Hệ thống QLMT theo TC ISO 14001:2004
1	Nhà máy Bia Sài Gòn Bạc Liêu	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
2	Nhà máy Bia Sài Gòn Cần Thơ	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
3	Nhà máy Bia & Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
4	Nhà máy Bia Sài Gòn Bình Dương	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
5	Nhà máy Bia Sài Gòn Hoàng Quỳnh	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
6	Nhà máy Bia Sài Gòn Đắc Lak	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
7	Nhà máy Bia Sài Gòn Phú Yên	Đã có Chứng nhận hệ thống tích hợp		Đã có Chứng nhận
8	Nhà máy Bia Sài Gòn Quy Nhơn	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
9	Nhà máy Bia Sài Gòn Sông Lam	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
10	Nhà máy Bia Sài Gòn Nghệ An	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
11	Nhà máy Bia Sài Gòn Quảng Ngãi	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
12	Nhà máy Bia Hương Sen	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
13	Nhà máy Bia Sài Gòn Phú Lý	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
14	Nhà máy Bia Sài Gòn Hà Nội	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
15	Nhà máy Bia Sài Gòn Đồng Xuân (Mê Linh)	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
16	Nhà máy Bia Sài Gòn Phú Thọ	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
17	Nhà máy Bia Sài Gòn Hà Tĩnh	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
18	Nhà máy Bia Sài Gòn Ninh Thuận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
19	Nhà máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng 2	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
20	Nhà máy Bia Sài Gòn Vĩnh Long	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
21	Nhà máy Bia Sài Gòn Kiên Giang	Đang chờ đánh giá	Đang chờ đánh giá	Đang chờ đánh giá

22	Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận
23	Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận	Đã có Chứng nhận

Nguồn: SABECO.

Tổng Công ty đang nỗ lực thực hiện các công việc liên quan để tất cả các Nhà máy bia của Tổng Công ty sẽ đạt được Chứng nhận Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50.001 vào năm 2018.

6.7.2 Ban kiểm soát chất lượng

Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, Tổng Công ty thành lập Ban kiểm soát chất lượng để kiểm tra và giám sát tất cả các khâu của quá trình sản xuất từ đầu vào cho đến khi hoàn thành và sản phẩm cuối cùng. Ban kiểm soát chất lượng của Tổng Công ty có đủ đội ngũ nhân sự và được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại để giám sát chất lượng sản phẩm trên tất cả các Nhà máy của Tổng Công ty trên toàn quốc.

Tổng Công ty có đội ngũ cán bộ kiểm soát định kỳ các Nhà máy sản xuất Bia trên toàn quốc và các thiết bị của phòng kiểm nghiệm được trang bị hiện đại và đầy đủ, kiểm soát quá trình sản xuất và kiểm tra các chỉ tiêu bán thành phẩm và thành phẩm hoàn toàn tự động.

Tổng Công ty có hệ thống các tiêu chuẩn và quy định thống nhất trên toàn quốc để giám sát quy trình sản xuất từ khâu nguyên liệu đến thành phẩm tiêu thụ.

6.8 Hoạt động Marketing

Các hoạt động Marketing của Tổng Công ty hướng đến mục tiêu chuyên nghiệp, chuẩn mực quốc tế nhằm đảm bảo góp phần hoàn thành các mục tiêu kinh doanh của Tổng Công ty. Dưới đây là một số hoạt động Marketing chính của Tổng Công ty.

6.8.1 Chiến lược phân phối

Tổng Công ty xác định chiến lược phân phối sản phẩm theo các tiêu chí chính sau:

- Chiến lược đa kênh phân phối, hạn chế các tầng lớp phân phối trung gian nhưng vẫn phải đảm bảo sức mạnh trong việc gia tăng độ phủ, khả năng đáp ứng mở thị trường, xâm nhập thị trường mới.
- Xác định kênh chủ lực là hệ thống kênh ON (các quán) cho nhóm bia chai, kênh OFF (các điểm bán lẻ) cho các nhóm bia lon. Các khu vực cụ thể xác định sản phẩm chiến lược, kênh chiến lược và nhóm khách hàng chiến lược để xây dựng chính sách phù hợp.

- Các kênh hiện đại như Horeka, cửa hàng tiện lợi: Đầu tư thâm nhập về hình ảnh và sản phẩm để tăng độ nhận biết của người tiêu dùng.
- Mở rộng các kênh bán hàng đặc thù: các đơn vị liên bộ, cơ quan, xí nghiệp,... với các chính sách linh hoạt và phù hợp.

6.8.2 Chiến lược giá

Tổng Công ty xây dựng chiến lược giá bán hướng đến thị trường, phù hợp với các phân khúc và định vị của các nhãn hiệu, các sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh với các sản phẩm đối thủ trong từng phân khúc cụ thể.

Chính sách giá bán được xây dựng phù hợp và tạo ra lợi nhuận hợp lý trong các khâu bán hàng, các kênh bán hàng phù hợp với xu thế phát triển của thị trường và ngành hàng.

6.8.3 Chiến lược về chiêu thị

Tổng Công ty thực hiện các chiến lược chiêu thị theo hướng:

- Các hoạt động khuyến mại và xúc tiến được hoạch định theo đúng chiến lược của Tổng Công ty, chiến lược marketing và chiến lược nhãn, đúng định vị của các nhãn hiệu. Các hoạt động chiêu thị phải đảm bảo duy trì vị thế cạnh tranh liên tục cho các sản phẩm trên thị trường, phù hợp với các vùng miền.
- Chú trọng đến cả khâu bán hàng lẫn người tiêu dùng cuối cùng.
- Phân bổ theo khu vực trọng tâm, sản phẩm trọng tâm theo đúng chiến lược vùng tiêu thụ và sản phẩm của Tổng Công ty.

6.8.4 Quảng bá thương hiệu

Nhằm giữ vững vị thế là thương hiệu bia số một tại Việt Nam và phấn đấu trở thành tập đoàn đồ uống hàng đầu khu vực, SABECO rất chú trọng công tác quảng bá thương hiệu. Các hoạt động chính gồm có:

- Duy trì và phát triển nhóm các sản phẩm truyền thống đồng thời không ngừng nâng cấp đổi mới cải tiến để các sản phẩm ngày càng phù hợp hơn với thị hiếu khách hàng.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, sản phẩm cao cấp để có thể đáp ứng được các phân khúc cao cấp, các thị trường ngách cũng như mở ra các sân chơi mới cho ngành hàng bia trước các thách thức từ bên trong, bên ngoài doanh nghiệp.

- Đầu tư bài bản và dài hạn cho công tác quảng bá, truyền thông nhằm đảm bảo tính thống nhất, tính kế thừa và phù hợp với xu thế thị trường, thích ứng, đi trước đón đầu các xu thế của người tiêu dùng.
- Có chiến lược dài hạn, đầu tư bài bản và ngày càng chuyên nghiệp cho các hoạt động truyền thông, quan hệ công chúng,... theo đúng chiến lược về danh mục thương hiệu, kiến trúc thương hiệu của Tổng Công ty nhằm đạt các mục tiêu của Tổng Công ty trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Quảng bá thương hiệu luôn đi cùng và định hướng cho các hoạt động hỗ trợ bán hàng, sau bán hàng, trong đó phối hợp nhịp nhàng các hoạt động kéo và đẩy.
- Gắn kết hình ảnh và tạo uy tín thương hiệu bằng việc truyền thông hiệu quả thông điệp “**SABECO - Chung tay vì cộng đồng**” và “**Bia Sài Gòn - Niềm tự hào của Việt Nam**” làm gia tăng đáng kể việc nhận biết về sản phẩm và hình ảnh thương hiệu **SABECO - BIA SÀI GÒN**. Xây dựng kế hoạch truyền thông hiệu quả giúp tăng cường nhận biết và tạo động lực thúc đẩy việc mua hàng của người tiêu dùng trên phạm vi toàn quốc.
- Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu rộng khắp cả nước từ các bảng hiệu tại các nhà hàng, quán, nhà phân phối đến các panô quảng cáo ngoài trời,... để nhằm nâng cao hình ảnh thương hiệu Bia Sài Gòn.
- Ngoài ra, từ năm 2007 đến nay SABECO đã góp sức xây dựng nên chương trình “**Chung tay vì cộng đồng**”. Hàng năm, Tổng Công ty trích 1% lợi nhuận sau thuế để thực hiện các chương trình vì cộng đồng.

6.8.5 Nghiên cứu thị trường

Để bắt kịp những thay đổi của thị trường và xây dựng chiến lược phát triển tổng thể, Tổng Công ty luôn chú trọng nghiên cứu thị trường. Tổng Công ty đã và đang thực hiện hàng loạt dự án nghiên cứu thị trường:

- Đầu tư bài bản và chuyên nghiệp cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) trong đó có công tác nghiên cứu thị trường, phân tích, đánh giá nhằm:
 - ✓ Thiết lập hệ thống các Chỉ số đánh giá chủ yếu (KPIs) để đánh giá các hoạt động marketing và hỗ trợ bán hàng một cách khách quan.
 - ✓ Thấu hiểu thị trường (đối thủ, khách hàng, người bán hàng).
 - ✓ Hỗ trợ cho công tác lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả các chương trình.
- Nghiên cứu thị trường trong nước và tiến đến các thị trường trọng tâm nước ngoài.

6.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

6.9.1 Logo của Tổng Công ty



Mô tả: Logo của SABECO gồm hình con rồng đang bay lên và chữ “SABECO” phía dưới.

6.9.2 Các sản phẩm đã đăng ký bảo hộ nhân hiệu hàng hóa, kiểu dáng (trong nước và nước ngoài)

Tổng Công ty thực hiện đăng ký bảo hộ nhân hiệu và kiểu dáng cho tất cả các sản phẩm chủ lực của Tổng Công ty trên toàn lãnh thổ Việt Nam và trên 27 quốc gia khác.

Bảng 15: Danh sách nhân hiệu, kiểu dáng đăng ký bảo hộ trong nước

STT	NỘI DUNG ĐĂNG KÝ BẢO HỘ
1	Nhãn hiệu : 333
2	Nhãn hiệu : 333 Bia
3	Nhãn hiệu: 333 lon
4	Nhãn hiệu : 333 lon (tổng thể)
5	Nhãn hiệu : 333 chai
6	Nhãn hiệu : Saigon export
7	Nhãn hiệu : Saigon Special
8	Nhãn hiệu : SAIGON SPECIAL
9	Nhãn hiệu : SAIGON LAGER
10	Nhãn hiệu : SAIGON LAGER (cổ chai)
11	Nhãn hiệu : SABECO, hình
12	Nhãn hiệu : Bia SAIGON, hình
13	Nhãn hiệu : Bia SAIGON
14	Nhãn hiệu : Bia SAIGON Niềm tự hào của Việt Nam
15	Nhãn hiệu : BIA SAIGON Special, hình
16	Nhãn hiệu : Bia SAIGON Lager
17	Nhãn hiệu : Tôi yêu Bia Saigon
18	Nhãn hiệu : Bia SAIGON Gold
19	Nhãn hiệu : Pearl, hình

20	Nhãn hiệu : 333, hình
21	Kiểu dáng : Nhãn sản phẩm (special)
22	Kiểu dáng : Nhãn sản phẩm (gold)
23	Kiểu dáng : Nhãn sản phẩm (adora)
24	Kiểu dáng : Chai (Pearl)

Nguồn: SABECO.

Bảng 16: Danh sách nhãn hiệu đăng ký bảo hộ sản phẩm tại nước ngoài

STT	TÊN NƯỚC BẢO HỘ	NỘI DUNG BẢO HỘ
1	* Theo Madrid : Hàn Quốc, Singapore, Nhật	Đăng ký NH : Nhãn lon 333
2	* Theo Madrid : Úc, Belarus, Cuba, EU, Georgia, Ghana, Thụy Sĩ	Đăng ký NH : SAIGON SPECIAL
3	* Theo Madrid : Úc, Belarus, Cuba, Georgia, Ghana, Singapore	Đăng ký NH : SAIGON Export
4	* Theo Madrid: Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Nhật.	Đăng ký NH : SAIGON SPECIAL
5	* Theo Madrid: Mỹ, EU, Belarus, Trung Quốc, Cuba, Georgia, Ghana, Nhật, Hàn Quốc, Singapore, Thụy Sĩ, Nga, Monaco, Úc.	Đăng ký NH : SABECO
6	* Theo Madrid: Mỹ, EU, Nga, Thụy sĩ, Monaco, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc, Nhật.	Đăng ký NH : SAIGON EXPORT
7	* Theo Madrid: Úc, Belarus, Cuba, EU, Georgia, Ghana, Nhật, Hàn Quốc, Singapore, Thụy Sĩ.	Đăng ký NH : nhãn chai 333
8	* Theo Madrid: Úc, Belarus, Trung Quốc, Cuba, EU, Georgia, Ghana, Nhật, Hàn Quốc, Singapore, Thụy Sĩ.	Đăng ký NH : SAIGON Lager
9	Ấn Độ	Đăng ký NH : nhãn chai 333, SAIGON Lager, SABECO,; SAIGON Export, SAIGON SPECIAL
10	Anh	Đăng ký NH : Special
11	Campuchia	Đăng ký NH : SAIGON EXPORT, nhãn chai 333, SAIGON SPECIAL, SAIGON Lager, SABECO, nhãn lon 333, nhãn lon SAIGON lager, SAIGON SPECIAL, Special.
12	Canada	Đăng ký NH : SABECO
13	Chilê	Đăng ký NH : 333, SAIGON export, SAIGON Special, SAIGON Lager

STT	TÊN NƯỚC BẢO HỘ	NỘI DUNG BẢO HỘ
14	Đài Loan	Đăng ký NH : SAIGON EXPORT, Đăng ký NH: SABECO, nhãn lon 333, SAIGON SPECIAL
15	Hàn Quốc	Đăng ký NH : Special
16	Hồng Kông	Đăng ký NH : SAIGON EXPORT, SABECO, Special, nhãn chai 333
17	Lào	Đăng ký NH : SAIGON EXPORT, SABECO, nhãn lon SAIGON lager, nhãn lon 333.
18	Mỹ	Đăng ký NH : Special
19	Myanmar	Đăng ký NH : nhãn lon 333, nhãn lon SAIGON Special, nhãn chai SAIGON Special, SAIGON Lager, 333 export, SAIGON export, SAIGON EXPORT, nhãn chai 333, SAIGON Lager, SABECO, SAIGON SPECIAL.
20	Nam Phi	SAIGON export, SABECO, nhãn lon 333
21	New Zealand	Đăng ký NH : Special
22	Nga	Đăng ký NH : Special
23	Nhật	Đăng ký NH : Special
24	OAPI	Đăng ký NH : SAIGON export, SAIGON special, SAIGON Lager
25	Pháp	Đăng ký NH : Special
26	Philippine	Đăng ký NH : SABECO, nhãn lon 333
27	Thái Lan	Đăng ký NH : Saigon Lager, Sabeco 333, Special, SAIGON EXPORT, SAIGON SPECIAL, SABECO, nhãn lon 333.
28	Trung Quốc	Đăng ký NH : Special
29	UAE	Đăng ký NH : SABECO, nhãn lon 333
30	Úc	Đăng ký NH : Special

NH: Nhãn hiệu.

Nguồn: SABECO.

6.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Trong quá trình sản xuất, Tổng Công ty thực hiện ký kết hợp đồng với nhiều đối tác trong và ngoài nước. Tiêu chí chọn lựa đối tác của Tổng Công ty là có nguồn cung ứng chất lượng tốt, giá hợp lý. Dưới đây là một số hợp đồng tiêu biểu của những đối tác đã có quan hệ kinh doanh lâu dài và có uy tín.

Bảng 17: Danh sách các hợp đồng có giá trị lớn

STT	Đối tác nước ngoài	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm	Năm ký kết	Năm thực hiện
1	CARGILL MALT ASIA PACIFIC PTY LTD	\$ 9.440.000	Malt	2015	2016
2	TUS HOLDINGS PTY LTD	\$ 9.440.000	Malt	2015	2016

STT	Đối tác nước ngoài	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm	Năm ký kết	Năm thực hiện
3	MALTEUROP AUSTRALIA PTY, LTD	\$4.720.000	Malt	2015	2016
4	MALTERIES SOUFFLET SAS (MS)	€ 2.901.500	Malt	2015	2016
5	GLOBALMALT GMBH&CO.KG	€ 2.180.000	Malt	2015	2016
6	MALTEUROP FRANCE (ME)	€ 1.774.000	Malt	2015	2016
7	BRENNTAG	\$1.285.440	Maturex	2015	2016
8	JOH.BARTH&SOHN	€ 2.388.500	Houblon	2015	2016
STT	Đối tác trong nước	Giá trị hợp đồng (tỷ Đồng)	Sản phẩm	Năm ký kết	Năm thực hiện
1	Công ty Crown Sài Gòn	622	Vỏ lon	2015	2016
3	Công ty CP Bao bì Sabeco Sông Lam	546	Vỏ lon	2015	2016
4	Công ty CP Hanaka	269	Vỏ lon	2015	2016
5	Công ty Asia Packaging Industries	212	Vỏ lon	2015	2016
6	Công ty CP Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	774	Bia Sài Gòn	2016	2016
7	Công Ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung	665	Bia Sài Gòn	2016	2016
8	Công Ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	1.569	Bia Sài Gòn	2016	2016

Nguồn: SABECO.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong hai (02) năm gần nhất và lũy kế quý gần nhất

7.1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Trong môi trường kinh doanh còn nhiều thách thức của năm 2015, là một trong các đơn vị dẫn đầu thị trường bia, SABECO đã đạt được các kết quả tích cực như sau:

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2015 đều tăng trưởng so với năm 2014, tương ứng là 10,29% và 28,21%. Trong 9 tháng đầu năm 2016, Tổng Công ty tiếp tục đạt kết quả kinh doanh khả quan với 21.809 tỷ đồng doanh thu, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm ngoái và 3.658 tỷ lợi nhuận sau thuế, cao hơn 24,4% so với 9 tháng đầu năm cùng kỳ 2015. Kết quả trong hai (2) năm này đều cao hơn trung bình ngành.

Bảng 18: Kết quả kinh doanh năm 2014, 2015, bán niên 2016 và 9 tháng 2016

Đơn vị: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2016
Kết quả riêng Công ty Mẹ					
Tổng giá trị tài sản	16.005.050	16.072.771	0,42%	18.130.883	17.584.586
Vốn chủ sở hữu	10.637.225	11.979.634	12,62%	11.948.561	11.977.068
Doanh thu thuần	7.886.847	8.082.613	2,48%	14.322.929	21.965.496
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.189.948	3.004.329	37,19%	2.373.682	3.853.401
Lợi nhuận khác	31.424	61.592	96,00%	3.706	8.809
Lợi nhuận trước thuế	2.221.372	3.065.920	38,02%	2.377.387	3.862.210
Lợi nhuận sau thuế	2.272.201	3.158.423	39,00%	1.971.568	3.198.924
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	21,36%	26,36%			
Kết quả hợp nhất					
Tổng giá trị tài sản	21.769.604	21.571.926	-0,91%	22.787.898	22.703.384
Vốn chủ sở hữu	12.487.581	14.064.666	12,63%	14.349.282	14.402.881
Doanh thu thuần	24.610.877	27.144.302	10,29%	14.735.775	21.808.830
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.551.926	4.433.244	24,81%	3.006.297	4.493.231
Lợi nhuận khác	43.510	36.765	-15,50%	(22.109)	16.929
Lợi nhuận trước thuế	3.595.436	4.470.009	24,32%	2.984.187	4.510.160
Lợi nhuận sau thuế	2.808.059	3.600.096	28,21%	2.385.401	3.658.357
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	57,09%	53,44%	-6,39%	N/A	N/A
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	22,49%	25,60%			

Ghi chú:

- Nguồn: BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán; BCTC riêng, hợp nhất bán niên năm 2016 đã soát xét; BCTC riêng, hợp nhất 9 tháng năm 2016.
- Từ 01/01/2016, Tổng công ty (Công ty mẹ) thực hiện mua toàn bộ sản phẩm bia từ các đơn vị sản xuất sau đó bán lại cho Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn để phân phối cho mười (10) Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn khu vực, do vậy chỉ tiêu doanh thu thuần của Công ty mẹ được điều chỉnh tăng nhưng không ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu thuần trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.1.2 Ý kiến kiểm toán, hướng xử lý, khắc phục đến thời điểm đăng ký niêm yết

Công ty TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM thực hiện kiểm toán độc lập cho các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2014 và 2015 của SABECO. Theo ý kiến của PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM, các báo cáo tài chính của SABECO đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM thực hiện kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên 2016 của SABECO. Theo ý kiến của ERNST & YOUNG VIỆT NAM, kiểm toán viên không thấy có vấn đề gì khiến kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo (năm 2015)

Ngoài lý do khách quan từ sự phục hồi của nền kinh tế, tăng trưởng toàn thị trường bia đạt tốc độ 5,9%, SABECO đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị sản phẩm, cạnh tranh hiệu quả với các thương hiệu bia quốc tế khác ngay tại thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, cũng không thể phủ nhận giá thành thấp hơn (do xu hướng giá cả các loại nguyên vật liệu sản xuất chính như malt và vỏ lon nhôm giảm và quyết định thời điểm mua hàng phù hợp) đã góp phần gia tăng lợi nhuận đáng kể cho SABECO.

Tuy vậy, năm 2015 tiếp tục được xem là một năm đầy thách thức về mức độ cạnh tranh khốc liệt trong ngành bia. Rất nhiều doanh nghiệp gia tăng đáng kể hoạt động đầu tư cho công tác tiếp thị, khuyến mại để chiếm thị phần. Các hãng bia có vốn nước ngoài như Sapporo, Heineken Việt Nam, AB Inbev không ngừng đầu tư, mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất. Chẳng hạn, Sapporo Việt Nam đã tăng công suất thiết kế từ 40 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm. Heineken Việt Nam đang tiến hành nâng cấp nhà máy bia ở Quảng Nam lên 120 triệu lít/năm từ công suất hiện tại 25 triệu lít. AB InBev khánh thành nhà máy bia 100 triệu lít/năm vào tháng 5 năm 2015. Tập đoàn Masan cũng đã khánh thành nhà máy bia Hậu Giang với công suất 150 triệu lít/năm cuối tháng 12 năm 2015, cùng với Nhà máy bia tại Phú Yên công suất 50 triệu lít/năm, đã nâng tổng công suất hai (2) nhà máy lên 200 triệu lít/năm. Ngoài ra, một số chính sách của Nhà nước như siết chặt hơn tải trọng cũng làm tăng chi phí vận tải hay hạn chế kinh doanh, tiêu thụ bia

rượu cũng gây không ít khó khăn cho các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành nói chung và SABECO nói riêng.

8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Tổng Công ty trong ngành

Với lịch sử hơn 140 năm hoạt động kinh doanh, Bia Sài Gòn đã trở thành thương hiệu hàng đầu tại thị trường bia Việt Nam và được biết tới tại nhiều quốc gia. Năm 2015, SABECO đã vươn lên vị trí thứ mười bảy (17) trong các tập đoàn sản xuất bia lớn nhất thế giới, nằm trong nhóm các nhà sản xuất bia hàng đầu Đông Nam Á và là thành viên thứ 351 của Học viện Bia Berlin.

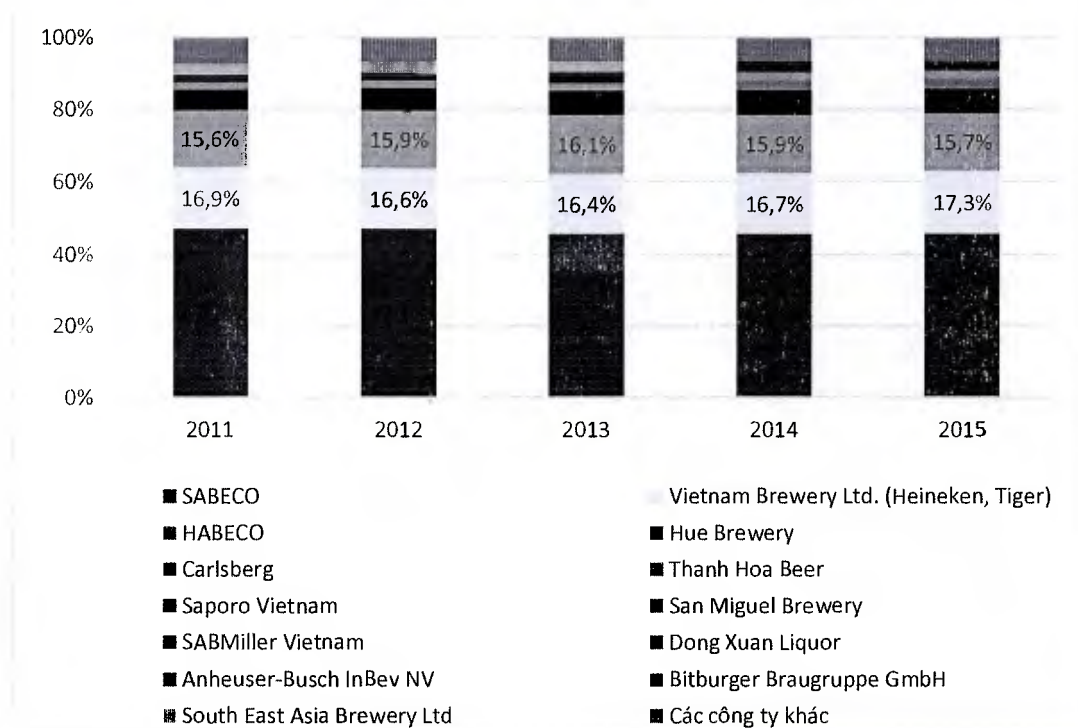
So sánh với các doanh nghiệp trong ngành bia tại Việt Nam, SABECO có một số mặt nổi trội sau đây:

- SABECO có năng lực sản xuất lớn nhất trong ngành: Tổng Công ty có hai mươi bốn (24) Nhà máy sản xuất đặt tại tất cả các khu vực trọng điểm, với tổng công suất sản xuất đạt trên 1,8 tỉ lít bia/năm.
- Mạng lưới phân phối trải rộng trên toàn quốc: Hệ thống phân phối với mười một (11) công ty thương mại được đặt tại tất cả các khu vực trọng điểm trên cả nước. Có thể nói SABECO hiện đang sở hữu mạng lưới phân phối rộng nhất trong số các hãng bia tại Việt Nam.
- Chiến lược tập trung vào phân khúc bia phổ thông: Đây là phân khúc thị trường bia lớn nhất tại Việt Nam, chiếm gần 60% sản lượng toàn ngành.

Kinh nghiệm sản xuất và sự am hiểu người tiêu dùng, thị trường bia Việt Nam: Với hơn 140 năm kinh nghiệm, SABECO rất am hiểu người Việt và văn hóa uống bia của người Việt. Chính vì lẽ đó, SABECO đã định vị khá chắc chắn thương hiệu của mình trong tâm trí người Việt Nam qua nhiều thế hệ. Các nhãn hiệu Bia 333, Bia Sài Gòn Lager (Sài Gòn Xanh), Sài Gòn Export (Sài Gòn Đỏ) và Sài Gòn Special được trên 90% người tiêu dùng Việt Nam nhận biết và ưa chuộng bởi chất lượng sản phẩm, hương vị bia đậm đà phù hợp thị hiếu người tiêu dùng và giá cả hợp lý. Bia Sài Gòn xứng đáng với khẩu hiệu “Niềm tự hào của Việt Nam”. Riêng ba nhãn hiệu chủ lực này của SABECO chiếm tới 44,9% tổng thị phần bia trong nước.

Các thương hiệu Bia 333 Export, Bia Sài Gòn Export còn đang từng bước chinh phục hàng triệu người uống bia trên thế giới. Các sản phẩm bia của SABECO đã có mặt tại 27 nước trên thế giới và ngày càng được ưa chuộng.

Bảng 19: Thị phần bia 2011- 2015 (% Tổng sản lượng tiêu thụ)



Nguồn: Euromonitor International, Báo cáo ngành bia Việt Nam, Tháng 6/2016.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

8.2.1 Thực trạng tăng trưởng ngành bia giai đoạn 2010 – 2015

Trong giai đoạn 2010 – 2015, sản lượng tiêu thụ bia đã tăng khá mạnh, từ mức 2.336 triệu lít năm 2010 lên 3.627 triệu lít năm 2015. Trong đó phân khúc bia cao cấp tăng từ 238 triệu lít lên 378 triệu lít (tăng 58,8%), phân khúc bia giá trung bình tăng từ 1.368 triệu lít lên 2.126 triệu lít (tăng 55,4%) và phân khúc bia giá rẻ tăng từ 730 triệu lít lên 1.123 triệu lít (tăng 53,9%). Mỗi người trưởng thành Việt Nam tiêu thụ trung bình 35,5 lít bia/năm, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có lượng bia tiêu thụ đầu người cao thứ hai châu Á.

Về mặt thị phần, phân khúc sản phẩm bia giá trung bình vẫn được nhiều người tiêu thụ nhất, chiếm gần 60% tổng sản lượng tiêu thụ. Bia giá thấp duy trì thị phần khoảng 30%, còn lại 10% thuộc về dòng bia cao cấp.

Bảng 20: Sản lượng bia tiêu thụ 2010 -2015

Triệu lít	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bia	2.335,9	2.635,8	2.897,7	3.214,0	3.409,8	3.627,2
1. Bia có hương/hỗn hợp	-	-	-	-	-	-
2. Bia tiêu chuẩn	2.335,9	2.635,8	2.897,7	3.214,0	3.409,8	3.627,2
2.1. Bia cao cấp	237,7	267,9	295,6	332,2	353,9	378,1
2.1.1. Nội địa	223,8	249,1	273,7	306,2	325,3	344,9
2.1.2. Nhập khẩu	14,0	18,8	21,9	26,0	28,6	33,2
2.2. Bia giá trung bình	1.368,4	1.551,1	1.694,7	1.873,2	1.992,9	2.126,4
2.2.1. Nội địa	1.368,4	1.551,1	1.694,7	1.873,2	1.992,9	2.126,4
2.2.2. Nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
2.3. Bia giá rẻ	729,8	816,8	907,4	1.008,6	1.063,0	1.122,7
2.3.1. Nội địa	729,8	816,8	907,4	1.008,6	1.063,0	1.122,7
2.3.2. Nhập khẩu	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Euromonitor International, Báo cáo ngành bia Việt Nam, Tháng 6/2016.

Riêng năm 2015, sản lượng tiêu thụ bia phân khúc cao cấp và bia phân khúc giá trung bình có tốc độ tăng trưởng gần ngang nhau, với tỉ lệ tăng trưởng là 6,8% và 6,7% so với năm 2014. Tuy nhiên, bia cao cấp nhập khẩu tăng trưởng mạnh ở mức 16,1%, trong khi bia cao cấp nội địa chỉ tăng 6,0%. Mặc dù mức tăng trưởng này một phần dựa trên sản lượng bia cao cấp nhập khẩu còn thấp (chỉ 28,6 triệu lít, chiếm chưa tới 10% của thị phần bia cao cấp) nhưng cũng phản ánh mức độ quan tâm ngày càng cao đối với thị trường bia Việt Nam của các doanh nghiệp ngoại, cũng như nhu cầu, khả năng và mức độ chịu chi của người uống bia Việt Nam cho các dòng sản phẩm cao cấp.

Về giá trị toàn thị trường bia theo số liệu trong Báo cáo ngành bia Việt Nam tháng 6/2016 của Euromonitor International, tổng giá trị bia tiêu thụ đã tăng từ 82.736 tỉ Đồng năm 2010 lên 153.943 tỉ Đồng trong năm 2015 (tăng 86,1%). Sự khác biệt của số liệu này so với một số ước tính khác của cơ quan chủ quản hay doanh nghiệp trong ngành chủ yếu liên quan đến phương pháp ước tính, thu nhập số liệu, đặc biệt có thể do việc sử dụng giá xuất xưởng hay giá người tiêu dùng cuối cùng phải trả. Tuy nhiên có một xu hướng đồng nhất là thị phần về giá trị của bia cao cấp đã tăng lên khoảng 15%. Thị phần của bia giá trung bình không khác biệt nhiều ở mức 60%. Chỉ khoảng 25% số tiền người uống bia bỏ ra cho bia giá rẻ.

8.2.2 Triển vọng tăng trưởng ngành bia giai đoạn 2016 – 2020

Với dân số gần 92 triệu người tại thời điểm năm cuối 2015, tốc độ tăng dân số bình quân 1%/năm và văn hóa uống bia của người Việt, thị trường bia Việt Nam vẫn là một trong những thị trường hấp dẫn và được dự báo tiếp tục tăng trưởng trong thời gian sắp tới.

Về mặt tuyệt đối, ngành bia được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng có thể sẽ thấp hơn do quy mô thị trường đã lớn hơn đáng kể. Cụ thể tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2015 – 2020 được dự báo ở mức bình quân 6%/năm (Nguồn: Euromonitor International, Báo cáo ngành bia Việt Nam, Tháng 6/2016).

Cũng theo Euromonitor International, đến năm 2020, thị phần sản lượng tiêu thụ bia của các phân khúc giá không thay đổi đáng kể. Theo đó, phân khúc bia cao cấp đạt 492,9 triệu lít (chiếm 10,2% tổng sản lượng), phân khúc bia giá trung bình đạt 3.002,5 triệu lít (tăng nhẹ lên 62% tổng sản lượng) và phân khúc bia giá rẻ đạt 1.347,6 triệu lít (chiếm 27,8% tổng sản lượng).

Bảng 21: Dự báo sản lượng tiêu thụ 2015 - 2020

Triệu lít	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Bia	3.627,2	3.821,6	4.037,8	4.280,5	4.549,1	4.842,9
1. Bia có hương/hỗn hợp	-	-	-	-	-	-
2. Bia tiêu chuẩn	3.627,2	3.821,6	4.037,8	4.280,5	4.549,1	4.842,9
2.1. Bia cao cấp	378,1	400,4	423,3	447,2	471,5	492,9
2.1.1. Nội địa	344,9	364,6	384,7	405,2	425,6	445,9
2.1.2. Nhập khẩu	33,2	35,7	38,6	42,0	45,9	46,9
2.2. Bia giá trung bình	2.126,4	2.262,6	2.415,9	2.590,6	2.785,4	3.002,5
2.2.1. Nội địa	2.126,4	2.262,6	2.415,9	2.590,6	2.785,4	3.002,5
2.2.2. Nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
2.3. Bia giá rẻ	1.122,7	1.158,7	1.198,6	1.242,7	1.292,2	1.347,6
2.3.1. Nội địa	1.122,7	1.158,7	1.198,6	1.242,7	1.292,2	1.347,6
2.3.2. Nhập khẩu	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Euromonitor International, Báo cáo ngành bia Việt Nam, Tháng 6/2016.

Bảng 22: Dự báo tốc độ tăng trưởng sản lượng 2015 - 2020 (%)

Tỉ Đồng	2016/2015	Tỉ lệ tăng trưởng kép hàng năm 2015-2020	2020/2015
Bia	5,4	6,0	33,5
1. Bia có hương/hỗn hợp	-	-	-
2. Bia tiêu chuẩn	5,4	6,0	33,5
2.1. Bia cao cấp	5,9	5,4	30,3
2.1.1. Nội địa	5,7	5,3	29,3
2.1.2. Nhập khẩu	7,6	7,2	41,4
2.2. Bia giá trung bình	6,4	7,1	41,2
2.2.1. Nội địa	6,4	7,1	41,2

Tỉ Đồng	2016/2015	Tỉ lệ tăng trưởng kép hàng năm 2015-2020	2020/2015
2.2.2. Nhập khẩu	-	-	-
2.3. Bia giá rẻ	3,2	3,7	20,0
2.3.1. Nội địa	3,2	3,7	20,0
2.3.2. Nhập khẩu	-	-	-

Nguồn: Euromonitor International, Báo cáo ngành bia Việt Nam, Tháng 6/2016.

Doanh số tiêu thụ được dự báo tăng trưởng bình quân 7,2%/năm trong giai đoạn 2015 – 2020, riêng năm 2016 tăng trưởng 8,1% so với 2015.

Doanh số tiêu thụ năm 2016 được dự báo đạt 166.388 tỉ Đồng, trong đó bia phân khúc cao cấp là 26.216 tỉ Đồng (tỉ trọng 15,8% tổng doanh số tiêu thụ), Bia phân khúc giá trung bình đạt 100.835 tỉ Đồng (tỉ trọng 60,6% tổng doanh số tiêu thụ) và bia phân khúc giá rẻ sẽ đạt 39.336 tỉ Đồng (tỉ trọng 23,6% tổng doanh số tiêu thụ).

Đến năm 2020, doanh số tiêu thụ được dự báo đạt 218.292 tỉ Đồng, trong đó bia phân khúc cao cấp là 35.925 tỉ Đồng (tỉ trọng 16,5% tổng doanh số tiêu thụ), bia phân khúc giá trung bình đạt 134.686 tỉ Đồng (tỉ trọng 61,7% tổng doanh số tiêu thụ) và bia phân khúc giá rẻ sẽ đạt 47.680 tỉ Đồng (tỉ trọng 21,8% tổng doanh số tiêu thụ).

Bảng 23: Dự báo tốc độ tăng trưởng doanh số 2015 -2020 (%)

Tỉ Đồng	2016/2015	Tỉ lệ tăng trưởng kép hàng năm 2015-2020	2020/2015
Bia	8,1	7,2	41,8
1. Bia có hương/hỗn hợp	-	-	-
2. Bia tiêu chuẩn	8,1	7,2	41,8
2.1. Bia cao cấp	6,9	7,9	46,5
2.1.1. Nội địa	6,7	7,7	45,1
2.1.2. Nhập khẩu	7,6	8,7	51,8
2.2. Bia giá trung bình	9,0	7,8	45,6
2.2.1. Nội địa	9,0	7,8	45,6
2.2.2. Nhập khẩu	-	-	-
2.3. Bia giá rẻ	6,6	5,3	29,3
2.3.1. Nội địa	6,6	5,3	29,3
2.3.2. Nhập khẩu	-	-	-

Nguồn: Euromonitor International, Báo cáo ngành bia Việt Nam, Tháng 6/2016.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Kết quả kinh doanh năm 2015 của SABECO tăng trưởng khá tốt, Doanh thu thuần tăng 10,29% (từ 24.610 tỉ Đồng lên 27.144 tỉ Đồng), Lợi nhuận sau thuế tăng 28,21% (từ 2.808 tỉ Đồng lên 3.600 tỉ Đồng), Vốn chủ sở hữu tăng 12,63% (từ 12.487 tỉ Đồng lên 14.065 tỉ Đồng) so với năm 2014.

So sánh về giá trị các chỉ tiêu tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và doanh thu thuần năm 2015, SABECO có quy mô lớn hơn hai lần và đối với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, SABECO có quy mô lớn gấp hơn ba lần so với công ty lớn thứ hai trong cùng phân khúc là HABECO.

Về các chỉ tiêu tài chính chính trong 2015 cho thấy khả năng thanh toán và cơ cấu vốn của SABECO tương đương với HABECO. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, SABECO có trội hơn.

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Ngày 12/09/2016, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3690/QĐ-BCT phê duyệt quy hoạch phát triển ngành bia, rượu, nước giải khát Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 đã đề ra định hướng phát triển và mục tiêu phát triển như sau:

- Năm 2020, cả nước sản xuất khoảng 4,1 tỷ lít bia; 350 triệu lít rượu (trong đó rượu sản xuất công nghiệp chiếm 35%); 6,8 tỷ lít nước giải khát. Kim ngạch xuất khẩu đạt 450 triệu USD.
- Năm 2025, cả nước sản xuất khoảng 4,6 tỷ lít bia; 350 triệu lít rượu (trong đó rượu sản xuất công nghiệp chiếm 40%); 9,1 tỷ lít nước giải khát. Kim ngạch xuất khẩu đạt 600 triệu USD.
- Năm 2035, cả nước sản xuất khoảng 5,5 tỷ lít bia; 350 triệu lít rượu (trong đó rượu sản xuất công nghiệp chiếm 50%); 15,2 tỷ lít nước giải khát. Kim ngạch xuất khẩu đạt 900 triệu USD.
- Giá trị sản xuất của ngành đến các năm 2020, 2025 và 2035 lần lượt đạt: 90.500 tỷ đồng, 113.540 tỷ đồng và 167.920 tỷ đồng.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của toàn ngành bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 5,8%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 là 4,6 %/năm và giai đoạn 2026 - 2035 là 4,0%/năm.

Định hướng phát triển

▪ Đối với ngành bia

- Tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu; liên kết hoặc sáp nhập vào các doanh nghiệp lớn.
- Khuyến khích sản xuất bia không cồn và các dòng bia cao cấp với giá cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu. Tiếp tục xây dựng và phát triển một số thương hiệu bia mạnh tầm quốc gia.
- Không khuyến khích đầu tư mới các nhà máy quy mô dưới 50 triệu lít/năm, trừ các cơ sở sản xuất bia để bán tiêu dùng tại chỗ.

▪ Đối với ngành rượu

- Tập trung phát triển sản xuất rượu công nghiệp chất lượng cao với công nghệ hiện đại.
- Khuyến khích các cơ sở sản xuất rượu công nghiệp chế biến lại rượu sản xuất thủ công, rượu làng nghề để tạo ra sản phẩm đạt chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm.
- Từng bước xây dựng thương hiệu rượu quốc gia. Tăng cường hợp tác với các hãng rượu lớn nước ngoài để sản xuất rượu chất lượng cao thay thế nhập khẩu và để xuất khẩu.
- Gắn sản xuất rượu vang, rượu hoa quả với phát triển vùng nguyên liệu ở các địa phương.

▪ Đối với ngành nước giải khát

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất nước giải khát với quy mô lớn, thiết bị, công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.
- Khuyến khích sản xuất nước giải khát từ hoa quả tươi và các loại nước giải khát bổ dưỡng, sử dụng nguyên liệu trong nước, sản xuất nước khoáng thiên nhiên.

Với các định hướng của Nhà nước nêu trên và với các dự báo về xu hướng phát triển của ngành bia, chúng tôi cho rằng các kế hoạch phát triển kinh doanh trong năm 2016 và các năm sau đó của SABECO phù hợp với định hướng, chính sách của Nhà nước và với xu hướng phát triển của ngành bia Việt Nam và của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động và cơ cấu lao động

Tổng số lao động của cả hệ thống SABECO là trên 5.500 người. Trong đó, tổng số lao động của Công ty mẹ thời điểm hiện tại là 810 người.

Trong tổng số lao động của Công ty mẹ, người lao động có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm trên 50%, trong đó trình độ đại học chiếm gần 43%. Phân loại theo thời hạn hợp đồng lao động, gần 95% cán bộ, nhân viên của Tổng Công ty có hợp đồng không xác định thời hạn. Số liệu này cho thấy mức độ gắn bó của người lao động với Tổng Công ty rất cao.

Bảng 24: Cơ cấu lao động

Tiêu chí phân loại	Số lượng Năm 2015	Số lượng tại 30/09/2016	Tỷ lệ
Phân theo trình độ	816	810	100%
– Đại học	341	346	42,73%
– Trình độ trung cấp và cao đẳng	67	70	8,64%
– Lao động phổ thông	408	94	48,64%
Phân theo đối tượng lao động	816	810	100%
– Nhân viên gián tiếp	375	365	45,06%
– Nhân viên trực tiếp	441	445	54,94%
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động		810	100%
– Không xác định thời hạn	725	769	94,94%
– Có xác định thời hạn	91	41	5,06%

Nguồn: SABECO

9.2 Chính sách tiền lương, thưởng, đào tạo

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng nhất để Tổng Công ty thành công và phát triển. Do đó, Tổng Công ty luôn quan tâm đến các chính sách liên quan đến nguồn nhân lực để thu hút nhân lực tốt nhất cho quá trình phát triển.

Chính sách tiền lương

Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Đồng thời tiền lương tại đơn vị được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc phân phối tiền lương được thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh và trình độ chuyên môn cho từng người lao động trong Tổng Công ty.

Tổng Công ty xây dựng bảng lương theo quy định của Nhà nước đối với từng loại công việc và thực tế hoạt động của Tổng Công ty. Cơ cấu lương gồm:

- Lương cơ bản.
- Lương năng suất.
- Lương chức danh.

Chính sách tiền thưởng

Tổng Công ty thưởng cho người lao động nhân các ngày lễ lớn, Tết, thưởng tháng lương thứ mười ba, thưởng đột xuất (do hoàn thành kế hoạch kinh doanh, thưởng quý,...).

Chính sách đào tạo

Để thực hiện tốt các mục tiêu kinh doanh, Tổng Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Tổng Công ty được thực hiện theo hướng sau:

▪ Đối với lao động trực tiếp

Tổng Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ cho công nhân để nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động. Người lao động luôn được khuyến khích và tạo điều kiện cho việc tham gia các lớp nhằm nâng cao trình độ tay nghề cũng như kiến thức chuyên sâu khác.

▪ Đối với lao động gián tiếp

Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các khóa học về chuyên môn, nghiệp vụ cho từng nhóm cán bộ thông qua việc liên kết với các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp. Đồng thời, tổ chức cho các cán bộ tham gia đầy đủ các buổi cập nhật kiến thức về các quy định cũng như các văn bản pháp luật. Tổng Công ty thường xuyên khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn và dài hạn cũng như các khóa học về tin học, ngoại ngữ. Đối với đối tượng là cán bộ nguồn, Tổng Công ty đài thọ kinh phí gửi đi học các khóa cao cấp như MBA,... nhằm bảo đảm đủ nguồn lực cho phát triển bền vững dài hạn.

Chế độ làm việc

Tổng Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ giữa ca 30 phút (ca đêm 45 phút). Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Tổng Công ty có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động, ngoài việc đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Các chính sách khác đối với người lao động

Tất cả 100% người lao động có ký kết hợp đồng lao động, chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động và các chế độ chính sách khác như khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động cũng luôn được đảm bảo kịp thời theo đúng quy định của Nhà nước.

10. Chính sách cổ tức

SABECO chi trả cổ tức cho cổ đông dựa trên kết quả kinh doanh hàng năm. Tỷ lệ cổ tức thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. SABECO có chính sách trả cổ tức tương đối phù hợp cho các cổ đông trong các năm vừa qua. Bình quân từ năm 2011 đến 2015, SABECO đã sử dụng 56,95% lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức cho cổ đông.

Trong điều kiện sản xuất kinh doanh bình thường, ngoại trừ các yếu tố rủi ro SABECO vẫn sẽ nỗ lực để duy trì mức chi trả cổ tức hợp lý nhất theo kết quả kinh doanh trong tương lai. Tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông các năm từ 2011 đến năm 2015 và dự kiến năm 2016 như sau:

Bảng 25: Mức cổ tức Tổng Công ty chi trả giai đoạn 2011 - 2015

Năm	Tỷ lệ cổ tức/Mệnh giá	Ghi chú
2011	20%	Tiền mặt, đã thực hiện
2012	22%	Tiền mặt, đã thực hiện
2013	23%	Tiền mặt, đã thực hiện
2014	25%	Tiền mặt, đã thực hiện
2015	30%	Tiền mặt, SABECO đã thực hiện chi trả cổ tức theo Nghị quyết số 23/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2016. Ngày chốt Danh sách cổ đông để chi trả cổ tức: 10/6/2016. Ngày bắt đầu thanh toán cổ tức: 29/6/2016.
2016 (dự kiến)	30%	Tiền mặt

Nguồn: SABECO.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng (nếu có) bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản trong quá trình xây dựng để phục vụ cho sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc chưa xác định được mục đích, được trình bày theo nguyên giá trừ mức giảm giá trị có thể xác định được. Nguyên giá bao gồm chi phí liên quan đến việc hình thành tài sản và chi phí vay được vốn hoá phù hợp với chính sách của Tổng Công ty. Khấu hao của tài sản này có cùng cơ sở tính toán như các tài sản hữu hình khác, bắt đầu khi tài sản đã sẵn sàng hoặc chuẩn bị sử dụng.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, nhượng bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị: 3 – 12 năm
- Phương tiện vận tải: 3 – 8 năm
- Dụng cụ quản lý: 3 – 5 năm

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo giá gốc và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Giá trị các phần mềm máy tính được trích khấu hao và phản ánh vào chi phí trong thời gian ba năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định sau khi định giá Tổng Công ty được ghi nhận theo giá trị phê duyệt của Cơ quan xác định và phê duyệt giá trị doanh nghiệp. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí hàng năm của Tổng Công ty theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi ghi nhận.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình như sau:

- Phần mềm máy tính: 3 năm.
- Quyền sử dụng đất:
 - Không thời hạn: Được ghi nhận theo giá trị đã được đánh giá lại trong quá trình cổ phần hóa và không khấu hao.
 - Có thời hạn: Được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian quy định trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

11.1.2 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động giai đoạn 2014– 2015 như sau:

- Năm 2014: 22,2 triệu Đồng/người/tháng.
- Năm 2015: 26,5 triệu Đồng/người/tháng.

Mức lương Tổng Công ty trả cho người lao động đủ cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trên địa bàn.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Tổng Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa được dự phòng. SABECO không có khoản nợ nào với các thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán Trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan.

11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

SABECO luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn tất cả các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế giá trị gia tăng VAT, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân, Thuế tài nguyên, Thuế nhà, Thuế đất và các khoản phí và lệ phí khác theo quy định của Nhà nước.

Đối với khoản Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bổ sung theo kết luận của Thanh tra Chính phủ (2010-2012), Kiểm toán Nhà nước (2013), Thanh tra Bộ Tài Chính (2014-2015), ngày 11/11/2016 Bộ Tài Chính đã có văn bản số 16168/BTC-TCT về việc hướng dẫn thực hiện hạch toán, kê khai, tính thuế và nộp khoản Thuế tiêu thụ đặc biệt bổ sung cho giai đoạn 2007 đến 2015 tại Tổng Công ty. Theo đó Bộ phận quản lý vốn Nhà nước của Tổng Công ty đang xin ý kiến Bộ

Công Thương trước khi trình Hội đồng quản trị và xin ý kiến cổ đông để thực hiện nộp toàn bộ các khoản thuế phát sinh theo kết luận của các cơ quan thanh kiểm tra và xử lý dứt điểm trong năm 2016 phù hợp với quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Thông tin về khoản Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bổ sung được trình bày chi tiết tại Mục 11.3.

11.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Tổng Công ty trích lập các quỹ theo:

- Quy định của pháp luật;
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Quy định tại Điều lệ Công ty.
- Đề xuất của Hội đồng quản trị và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Số dư các quỹ tại thời điểm cuối năm 2014, 2015, 30/6/2016 và 30/9/2016 của Công ty Mẹ và Công ty Hợp nhất SABECO như sau:

Bảng 26: Số dư các quỹ của Công ty cuối năm 2014 – 2015, 30/6/2016 và 30/9/2016.

Đơn vị: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016	30/9/2016
Công ty Mẹ				
Quỹ dự phòng tài chính	0	0	0	0
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0	0	0
Quỹ đầu tư phát triển	763.088	760.820	760.820	760.820
Quỹ khen thưởng phúc lợi	156.872	191.656	120.193	111.838
Cộng	919.960	952.476	881.013	872.658
Công ty hợp nhất				
Quỹ dự phòng tài chính	0	0	0	0
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.902	6.109	5.544	5.229
Quỹ đầu tư phát triển	1.066.404	1.100.003	1.111.799	1.111.937
Quỹ khen thưởng phúc lợi	226.469	299.092	129.706	145.792
Cộng	1.297.775	1.405.204	1.247.049	1.262.958

Nguồn: BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán; BCTC riêng, hợp nhất bán niên năm 2016 đã soát xét; BCTC riêng, hợp nhất 9 tháng năm 2016.

11.1.6 Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay của SABECO tại thời điểm cuối năm 2014, 2015, 30/6/2016 và 30/9/2016 như sau:

Bảng 27: Số dư nợ vay năm 2014 – 2015 và tại thời điểm 30/09/2016

Đơn vị: Triệu Đồng

Nợ vay	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016	30/9/2016
Công ty Mẹ				
Vay và nợ ngắn hạn	0	0	0	0
Vay và nợ dài hạn	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0
Công ty Hợp nhất				
Vay và nợ ngắn hạn	437.368	1.051.665	926.299	964.222
Vay và nợ dài hạn	912.244	610.451	407.547	443.761
Cộng	1.349.612	1.662.116	1.333.846	1.407.983

Nguồn: BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán; BCTC riêng, hợp nhất bán niên năm 2016 đã soát xét; BCTC riêng, hợp nhất 9 tháng năm 2016.

11.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Tình hình công nợ của SABECO tại thời điểm cuối năm 2014, 2015, 30/6/2016 và 30/9/2016 như sau:

Bảng 28: Số dư nợ phải thu năm 2014 – 2015 và lũy kế đến quý gần nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

Các chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016	30/9/2016
Công ty Mẹ				
Phải thu ngắn hạn	1,916,560	1,763,255	1,700,945	1,997.800
Phải thu khách hàng	1,105,787	988,597	1,013,528	1.382.078
Trả trước cho người bán	19,717	13,833	64,298	108.555
Các khoản phải thu khác	812,816	784,501	649,406	533.455
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(36,260)	(38,176)	(40,788)	(40.788)
Tài sản thiếu chờ xử lý	14,500	14,500	14,500	14.500
Phải thu dài hạn	347,196	339,428	341,608	340.940
Phải thu về cho vay dài hạn	12.000	9,900	9,900	9.900
Phải thu dài hạn khác	337,196	347,428	349,608	348.940

Các chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016	30/9/2016
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(2,000)	(17,900)	(17,900)	(17.900)
Tổng cộng	2,263,756	2,102,684	2,042,552	2.338.740
Công ty hợp nhất				
Phải thu ngắn hạn	1,065,026	1,085,026	1,123,820	1.530.091
Phải thu khách hàng	551,396	621,408	508,149	640.109
Trả trước cho người bán	133,998	71,472	154,436	208.136
Các khoản phải thu khác	410,476	420,238	491,300	706.054
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(45,822)	(48,316)	(50,280)	(44.380)
Tài sản thiếu chờ xử lý	14,978	20,225	20,215	20.173
Phải thu dài hạn	40,374	34,495	41,137	35.037
Phải thu về cho vay dài hạn	6,000	4,000	4,000	4.000
Phải thu dài hạn khác	36,374	42,495	49,137	43.037
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(2,000)	(12,000)	(12,000)	(12.000)
Tổng cộng	1,105,400	1,119,521	1,164,957	1.565.128

Nguồn: BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán; BCTC riêng, hợp nhất bán niên năm 2016 đã soát xét; BCTC riêng, hợp nhất 9 tháng năm 2016.

Bảng 29: Số dư nợ phải trả năm 2014 – 2015 và lũy kế đến quý gần nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

Các chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016	30/09/2016
Công ty Mẹ				
Phải trả ngắn hạn	5.202.980	3.986.254	6.076.448	5.501.645
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả cho người bán	835.116	779.822	951.346	789.155
Người mua trả tiền trước	553	250	288	286
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.999.032	278.498	580.953	500.782
Phải trả người lao động	124.497	55.923	27.629	45.212
Chi phí phải trả	170.104	149.311	179.392	139.747
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	832.424	831.772	2.517.625	784.917
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.084.381	1.699.023	1.699.023	3.129.708

Các chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016	30/09/2016
Quỹ khen thưởng phúc lợi	156.873	191.656	120.193	111.838
Phải trả dài hạn	164.844	106.883	105.873	105.872
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	51.602	51.602	51.602	51.602
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	55.656	-	-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	57.586	55.280	54.271	54.270
Tổng cộng Công ty Mẹ	5.367.824	4.093.137	6.182.321	5.607.517
Công ty hợp nhất				
Phải trả ngắn hạn	8.151.310	6.759.695	7.885.128	7.733.455
Vay và nợ ngắn hạn	437.368	1.051.665	926.299	964.222
Phải trả cho người bán	1.792.271	1.558.016	1.351.932	1.211.511
Người mua trả tiền trước	77.000	381.636	289.972	348.901
Thuế và các khoản phải nộp NN	3.208.200	857.038	1.006.389	901.833
Phải trả người lao động	263.921	217.026	112.899	291.992
Chi phí phải trả	470.125	358.289	300.666	259.696
Doanh thu chưa thực hiện	-	1.721	600	1.100
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.028.237	1.042.998	2.774.451	1.184.928
Dự phòng phải trả ngắn hạn	647.718	992.214	992.214	2.423.479
Quỹ khen thưởng phúc lợi	226.469	299.092	129.706	145.792
Phải trả dài hạn	1.130.675	747.527	553.488	567.011
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	800	800	-
Phải trả dài hạn khác	62.000	65.183	73.168	51.844
Vay và nợ dài hạn	912.244	610.451	407.547	443.761
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	43.190	15.183	17.135	17.135
Dự phòng phải trả dài hạn	55.656	629	568	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	57.586	55.280	54.271	54.271
Tổng nợ phải trả Công ty hợp nhất	9.281.985	7.507.221	8.438.616	8.300.465

Nguồn: BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán; BCTC riêng, hợp nhất bán niên năm 2016 đã soát xét; BCTC riêng, hợp nhất 9 tháng năm 2016.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Tổng Công ty luôn nỗ lực để duy trì các chỉ số tài chính ở trạng thái tốt nhất để Tổng Công ty hoạt động an toàn và hiệu quả.

Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2014, 2015, bán niên 2016 và 9 tháng 2016

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016	9 tháng 2016
Công ty Mẹ				
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,89	2,35	1,90	2,02
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,79	2,26	1,85	1,98
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,27	0,25	0,34	0,32
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,37	0,34	0,52	0,47
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	16,34	18,92	33,95	58,90
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,54	0,50	0,84	1,31
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	33,26%	39,08%	13,77%	14,56%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	23,43%	26,36%	16,50%	26,71%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	18,02%	19,69%	11,53%	19,01%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	33,70%	37,17%	16,57%	17,54%
Công ty hợp nhất				
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,40	1,80	1,75	1,78
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,15	1,52	1,53	1,51
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,40	0,35	0,37	0,37
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,71	0,53	0,59	0,58
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	9,92	10,39	5,81	7,90

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016	9 tháng 2016
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,22	1,25	0,66	0,99
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12,14%	13,26%	16,19%	16,77%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	24,98%	25,60%	16,62%	25,40%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	14,85%	16,61%	10,75%	16,53%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	14,06%	16,33%	20,40%	20,60%

Nguồn: BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán; BCTC riêng, hợp nhất bán niên năm 2016 đã soát xét; BCTC riêng, hợp nhất 9 tháng năm 2016.

11.3 Thông tin về những điểm cần lưu ý trên các BCTC

Theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 04/02/2015 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán BCTC năm 2013 và Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 08/12/2015 của Bộ Tài chính về thông tin tài chính năm 2014 và 9 tháng đầu năm 2015, SABECO phải nộp bổ sung Thuế tiêu thụ đặc biệt vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể, Tổng Công ty đã tạm nộp bổ sung Thuế tiêu thụ đặc biệt cho năm 2013 là 214.630 triệu Đồng, 257.022 triệu Đồng cho năm 2014 và số thuế bổ sung cho 9 tháng 2015 là 206.980 triệu Đồng. Tất cả các khoản thuế này đã được Tổng Công ty nộp vào Ngân sách Nhà nước và được phản ánh trên BCTC hợp nhất.

Ngoài ra, các công ty con trong hệ thống sản xuất của SABECO cũng tạm nộp bổ sung Thuế tiêu thụ đặc biệt vào Ngân sách Nhà nước là 194.225 triệu Đồng cho năm 2013 và 242.438 triệu Đồng cho Năm 2014 và 270.145 triệu Đồng cho năm 2015.

Đồng thời, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng Thuế tiêu thụ đặc biệt cho các công ty liên kết và công ty khác trong hệ thống sản xuất bia Sài Gòn 325.595 triệu Đồng cho năm 2013 và 322.122 triệu Đồng cho năm 2014, năm 2015 là 344.960 triệu Đồng.

Để xử lý các vấn đề trên, SABECO đã có Văn bản kiến nghị gửi Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài Chính và Bộ Công thương. Đến thời điểm phát hành BCTC hợp nhất 2015 ngày 14/04/2016, SABECO chưa nhận được phản hồi từ các cơ quan chức năng về vấn đề trên. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong quá trình lập BCTC, SABECO đã lập dự phòng cho khoản Thuế tiêu thụ đặc biệt bổ sung của năm 2013, năm 2014 và năm 2015 cho các công ty con và công ty liên kết trong hệ thống sản xuất bia Sài Gòn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất 30/09/2016, SABECO nhận được Thông báo kết luận của Thanh tra Chính phủ, theo đó Tổng Công ty phải nộp bổ sung khoản thuế TTĐB từ năm 2010-2012 tương ứng với số tiền 1.430.685.064.981 Đồng. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong quá trình lập BCTC, SABECO đã lập dự phòng bổ sung cho khoản Thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh theo kết luận Thanh tra Chính phủ với số tiền 1.430.685.064.981 Đồng. Như vậy, tổng số dự phòng cho các khoản Thuế tiêu thụ đặc biệt từ 2010-2015 là 3.129.707.737.585 Đồng.

Ngày 11/11/2016 Bộ Tài Chính đã có văn bản số 16168/BTC-TCT về việc hướng dẫn thực hiện hạch toán, kê khai, tính thuế và nộp khoản thuế Tiêu thụ đặc biệt bổ sung cho giai đoạn 2007 đến 2015 tại SABECO.

Vấn đề này SABECO xin được làm rõ như sau:

(i) Nội dung Công văn số 5805/BTC-TCT (“**5805**”) của Bộ Tài chính ngày 28/04/2016 về việc trả lời kiến nghị của Kiểm Toán Nhà Nước năm 2013 tại SABECO gửi đến Bộ Công Thương (Thực hiện theo ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 265/VPCP-KTTH của Văn Phòng Chính Phủ ngày 12/01/2016) có nêu:

Trích Mục 3 Công văn 5805 nói trên: *“Về hạch toán và xử lý nguồn tài chính, mối quan hệ giữa các nhà đầu tư trong trường hợp hồi tố thuế TTĐB.*

Việc xử lý truy thu thuế TTĐB các năm trước của SABECO không phải do sai sót mà do cách hiểu về chính sách thuế TTĐB đến năm 2015 mới được KTNN và Thanh tra BTC làm rõ. Do vậy, số thuế TTĐB truy thu của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên được hạch toán vào báo cáo tài chính của mỗi đơn vị để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và quyền lợi của cổ đông.”

(ii) Như vậy, từ hướng dẫn nói trên có thể thấy không có hành vi vi phạm về tuân thủ và thực hiện các qui định pháp luật về thuế TTĐB;

(iii) Tuy nhiên, do đặc thù trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, các Hợp đồng Mua bán hàng hóa; Hợp đồng Mua bán nguyên vật liệu và Kiểm soát sản xuất và Hợp đồng Hợp tác sản xuất và Mua bán Hàng hóa mà Tổng Công ty ký kết với các công ty con và các công ty liên kết, hợp tác thì giá mua bán sản phẩm bia mà Tổng Công ty hay Công ty Thương Mại Bia Sài Gòn mua lại các sản phẩm từ các hợp đồng trên là giá mua ấn định đã bao gồm thuế TTĐB;

Đây là một thỏa thuận hợp đồng dân sự thương mại có hiệu lực và được hiểu là nếu có thay đổi về chính sách thuế hay các điều kiện khác làm thay đổi số thuế, thì giá mua vẫn là giá đã có thuế, điều này dẫn đến việc trong quan hệ hợp đồng này, khi bên bán không có lỗi và ngay tình, thì theo cách hiểu chung nhất về hợp đồng dân sự, công ty có nghĩa vụ đối với khoản thuế truy thu từ các hợp đồng và quan hệ thương mại trên.

(iv) Hiện không có các thỏa thuận mới hay các Phụ lục bằng văn bản về việc thay đổi các điều khoản giá và thuế trong các hợp đồng trên;

(v) Tổng Công ty đã trích lập dự phòng với khoản tiền tương ứng số tiền thuế bị truy thu của các công ty con và công ty liên kết từ năm 2010 - 2015 với các lý do như đã phân tích ở trên.

(vi) Đối với khoản thuế Tiêu thụ đặc biệt từ 2007 (thời điểm Luật quản lý thuế có hiệu lực) đến 2009 chưa được trích lập dự phòng: Theo văn bản số 16168/BTC-TCT ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính thì SABECO cũng sẽ thực hiện hạch toán, kê khai, tính thuế và nộp bổ sung trong năm 2016.

Như vậy, khoản Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bổ sung từ 2007 đến 2015 theo quyết định của các cơ quan thanh, kiểm tra sẽ được SABECO thực hiện nộp vào ngân sách Nhà nước như hướng dẫn tại văn bản số 16168/BTC-TCT của Bộ Tài Chính. Để đảm bảo tính công khai minh bạch, tuân thủ điều lệ và các quy định hiện hành, Bộ phận quản lý vốn Nhà nước của Tổng Công ty đang xin ý kiến Bộ Công Thương trước khi trình Hội đồng quản trị và xin ý kiến cổ đông để thực hiện nộp toàn bộ các khoản thuế phát sinh theo kết luận của các cơ quan thanh kiểm tra và xử lý dứt điểm trong năm 2016.

SABECO sẽ thực hiện giải trình, báo cáo bổ sung các vấn đề có liên quan bao gồm cả việc trình bày lại số liệu (nếu có) sau khi hoàn tất việc kê khai nộp thuế Tiêu thụ đặc biệt bổ sung trong báo cáo tài chính gần nhất.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Danh sách Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Tổng Công ty hiện tại có năm (5) thành viên, gồm một (1) Chủ tịch và bốn (4) thành viên. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Họ và tên	Năm sinh	CMND	Chức vụ
Ông Võ Thanh Hà	1974	013250473	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Hồng Xanh	1957	021778063	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Ngọc Hạnh	1959	022001656	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Quang Hải	1986	001086007371	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Bích Đạt	1950	011621393	Thành viên HĐQT

Nguồn: SABECO

Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

12.1.1 Ông Võ Thanh Hà: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Họ và tên : Võ Thanh Hà
- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 22/3/1974
- CMND số : 013250473, cấp ngày 05/01/2010 tại CA Hà Nội.
- Nơi sinh : Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đức Thọ, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 106B-A13 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại ở cơ quan : 08.38294083
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình đào tạo**
Từ 1992 đến 1997 : Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Từ 1995 đến 1998 : Cử nhân tiếng Anh Thương mại
Từ 4/2010 đến 11/2011 : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2011 : Quản lý Hành chính Nhà nước (Chứng chỉ Chuyên viên chính)
- Quá trình công tác**
Từ 7/1997 đến 12/1999 : TCT Xuất nhập khẩu Máy và Phụ tùng Bộ Thương mại (cũ)
Từ 12/1999 đến 3/2006 : Tùy viên Thương mại, Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản
Từ 3/2006 đến 12/2009 : Trưởng Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Osaka - Nhật Bản (Lãnh sự phụ trách Thương mại, Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka – Nhật Bản)
Từ 12/2009 đến 3/2010 : Đội phân công công tác
Từ 3/2010 đến 8/2010 : Chuyên viên Vụ Châu Á - Thái Bình Dương, Bộ Công Thương
Từ 8/2010 đến 05/2012 : Phó Trưởng phòng rồi Trưởng phòng Đông Bắc Á, Vụ Thị trường Châu Á - Thái Bình Dương, Bộ Công Thương.
Từ 01/2011 đến 5/2012 : Trưởng phòng Đông Bắc Á, Vụ Thị trường Châu Á-Thái Bình Dương, Bộ Công Thương.
Từ 8/2013 đến 02/2015 : Phó Chánh Văn phòng, Bộ Công Thương.
Từ 02/2015 đến 9/2015 : Chánh Văn phòng Bộ Công Thương.
Từ 10/2015 đến nay : Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
- Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn;
- TV HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang.
- Số cổ phần nắm giữ** :
- Đại diện sở hữu Nhà nước : 292.358.532 cổ phần Nhà nước tại SABECO (tương đương 45,59% vốn điều lệ, theo Quyết định số 13552/BCT-TCCB ngày 31/12/2015 và Quyết định số 10298/QĐ-BCT ngày 28/09/2015 của Bộ Công Thương).

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty : Không
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
- Những khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không

12.1.2 Ông Lê Hồng Xanh: Thành viên Hội đồng quản trị, Phụ trách Ban Điều hành.

- Họ và tên : Lê Hồng Xanh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/6/1957
- CMND số : 021778063, cấp ngày 26/11/2013 tại CA TPHCM
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đức Nhân, Đức Thọ, Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú : 181/6 Đường 3/2, P.11, Q.10, TP HCM
- Số điện thoại ở cơ quan : 08.38294083
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

Quá trình đào tạo

- Từ 1974 đến 1979 : Đại học ngành Toán, Lý
- Từ 1981 đến 1984 : Cử nhân Kinh tế
- Từ 1997 đến 2001 : Cử nhân Luật
- Từ 1997 đến 1999 : Cao cấp chính trị

Quá trình công tác

- Từ 1979 đến 1981 : Giáo viên Trường Thương mại 3, TP.HCM
- Từ 1981 đến 1984 : Trường Đại học Thương mại Hà Nội
- Từ 1984 đến 2006 : Giám đốc Marketing Công ty CP Sữa Việt Nam
- Từ 6/2006 đến 5/2008 : Trưởng Ban Tiêu thụ – Thị trường – Thương hiệu Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO)
- Từ 5/2008 đến 4/2011 : Giám đốc điều hành Marketing SABECO
- Từ 4/2011 đến 4/2013 : Đại diện quản lý vốn Nhà nước tại SABECO, Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành Marketing SABECO
- Từ 4/2013 đến 8/2016 : Đại diện quản lý vốn Nhà nước tại SABECO, Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc SABECO.
- Từ 8/2016 đến nay : Đại diện quản lý vốn Nhà nước tại SABECO, Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc SABECO thực hiện nhiệm vụ Tổng giám đốc và Phụ trách Ban Điều hành SABECO.

- Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Thành viên HĐQT, Phụ trách Ban Điều hành.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang;
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô;
TV HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Ninh Thuận;
TV HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn.
- Số cổ phần nắm giữ** :
- Đại diện sở hữu Nhà nước : 141.080.301 cổ phần Nhà nước tại SABECO (tương đương 22% vốn điều lệ, theo Quyết định số 3325/QĐ-BCT ngày 22/05/2013 của Bộ Công Thương).
- Sở hữu cá nhân : 100 cổ phần (0,000016% Vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty : Không.
Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không.
Những khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không.
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không

12.1.3 Ông Bùi Ngọc Hạnh: Thành viên Hội đồng quản trị.

- Họ và tên : Bùi Ngọc Hạnh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/3/1959
- CMND số : 022001656, cấp ngày 20/7/2009 tại CA TPHCM
- Nơi sinh : Thành phố Vinh, Nghệ An.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiến Thủy, Quỳnh Lưu, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : 436B/103 đường 3/2, P. 12, Quận 10, TP HCM
- Số điện thoại ở cơ quan : 08.38294083
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính, Kế toán công nghiệp

Quá trình đào tạo

- Từ 1988 đến 1991 : Cử nhân Tài chính, Kế toán công nghiệp
Từ 3/1993 đến 5/1994 : Trung cấp lý luận chính trị
Năm 1995 : Chứng nhận Bồi dưỡng Kế toán trưởng
Năm 2008 : Chứng nhận Bồi dưỡng Kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp
21/11/2009 : Chứng nhận Bồi dưỡng Quản trị công ty cho các công ty cổ phần.

Quá trình công tác

- Từ 10/1976 đến 11/1978 : Nhân viên Kế toán Công ty Bột ngọt Miền Nam, TP. HCM
Từ 12/1978 đến 11/1982 : Thượng sĩ Ban Chỉ huy quân sự Đồng Nai

- Từ 12/1982 đến 8/1988 : Xuất ngũ, Cán bộ Kế toán Nhà máy Bột ngọt Thiên Hương – XN Liên hiệp Bột ngọt Mi ăn liền, TP.HCM
- Từ 9/1988 đến 12/1996 : Cán bộ Phòng Kế toán – Công ty Bia Sài Gòn
- Từ 30/12/1996 đến 30/6/2003 : Phó Phòng Tài vụ, Công ty Bia Sài Gòn
- Từ 01/7/2003 đến 14/4/2006 : Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
- Từ 15/4/2006 đến 22/5/2006 : Phó Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
- Từ 23/5/2006 đến 12/2007 : Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
- Từ 2008 đến 5/2013 : Ủy viên thường trực HĐQT Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
- Từ 5/2013 đến nay : Đại diện quản lý vốn Nhà nước tại Tổng công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn (QĐ 3325/QĐ-BCT ngày 22/5/2013), Ủy viên thường trực HĐQT Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
- Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Thành viên HĐQT.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi; TV HĐQT Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO; Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung; TV HĐQT Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
- Số cổ phần nắm giữ** :
- Đại diện sở hữu Nhà nước : 141.080.301 cổ phần Nhà nước tại SABECO (trương đương 22% vốn điều lệ, theo Quyết định số 3325/QĐ-BCT ngày 22/05/2013 của Bộ Công Thương).
- Sở hữu cá nhân : 7.300 (trương đương 0,001138% vốn điều lệ).
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty : Không.
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không.
- Những khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không.
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không.

12.1.4 Ông Vũ Quang Hải: Thành viên Hội đồng quản trị.

- Họ và tên : Vũ Quang Hải
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/3/1986
- CMND số : 001086007371, cấp ngày 28/07/2015 tại Hà Nội
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Thọ, An Lão, TP. Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : 153 Triệu Việt Vương, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại ở cơ quan : 08.38294083
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế

Quá trình đào tạo

- Từ 2003 đến 2007 : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Từ 09/2011 đến 12/2012 : Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế

Quá trình công tác

- 12/2007 : Chuyên viên Ban Đầu tư – Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 01/2010 : Phó Giám đốc Ban Đầu tư – Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Từ 01/2011 đến 5/2013 : Phó Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Từ 6/2013 đến 02/2015 : Trưởng phòng Cục Xúc tiến Thương Mại; Phó giám đốc Trung tâm hỗ trợ Xuất khẩu.
- Từ 3/2015 đến 6/2016 : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
- Từ 06/6/2016 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc tạm thời kiêm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Marketing Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
- Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hòa.

Số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu Nhà nước : 0 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty : Không.
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không.
- Những khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không.
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không.

12.1.5 Ông Nguyễn Bích Đạt: Thành viên Hội đồng quản trị.

- Họ và tên : Nguyễn Bích Đạt
- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 14/08/1950
- CMND số : 011621393, cấp ngày 01/09/2009 tại Hà Nội
- Nơi sinh : Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : A6 ngõ 96 phố Linh Lang, Q. Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại ở cơ quan :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ

Quá trình đào tạo

1971 : Đại học Thương mại.
1982 : Tiến sỹ khoa học Cộng hòa Dân chủ Đức.
1991 : Phó giáo sư.

Quá trình công tác

1971 : Giảng viên Đại học Thương mại
1989 : Hiệu phó Đại học Thương mại
1993 : Vụ phó vụ pháp chế – Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư
1997 : Vụ trưởng vụ đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch Đầu tư
2003 : Thứ trưởng – Bộ Kế hoạch Đầu tư
2011 : Nghỉ hưu
Hiện nay : Thành viên Hội đồng CS KHCN quốc gia, TV HĐQT SABECO, TV HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Tây Đô, TV HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung.

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Thành viên HĐQT.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : TV HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung;
TV HĐQT Công ty Cổ phần Bia – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô;
Thành viên HĐCS KHCN Quốc gia.

Số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu Nhà nước : 0 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty : Không.
Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không.
Những khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không.
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không.

12.2 Danh sách Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát của Tổng Công ty gồm ba (3) thành viên, trong đó có một (1) Trưởng Ban, và hai (2) thành viên. Danh sách các thành viên Ban Kiểm Soát gồm có:

Họ và tên	Năm sinh	CMND	Chức vụ
Ông Đồng Việt Trung	1957	022750114	Trưởng Ban
Ông Chung Trí Dũng	1956	022775980	Thành viên
Ông Hoàng Giang Bình	1986	01086011001	Thành viên

Nguồn: SABECO

Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Kiểm Soát như sau:

12.2.1 Ông Đồng Việt Trung: Trưởng Ban Kiểm Soát.

- Họ và tên : Đồng Việt Trung
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/7/1957
- CMND số : 022750114, cấp ngày 27/10/2003 tại CA TP.HCM
- Nơi sinh : Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Kim Đính, Kim Thành, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 158/67/27 Hoàng Hoa Thám, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM
- Số điện thoại ở cơ quan : 08.38294083
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính-Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình đào tạo

- Từ 10/1980 đến 3/1985 : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Từ 4/1994 đến 5/1996 : Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- Từ 10/1974 đến 4/1975 : Sinh viên Đại học Tài chính – Hà Nội
- Từ 4/1975 đến 10/1980 : Bộ đội tại ngũ, Cục Hậu Cần, Quân Đoàn 4.
- Từ 10/1980 đến 3/1985 : Sinh viên Đại học Tài chính – Kế toán, TP.HCM
- Từ 4/1985 đến 12/1985 : Kế toán Tổng hợp Cty Thuốc sát trùng Miền Nam
- Từ 12/1985 đến 6/1986 : Kế toán Tổng hợp Cty Dầu Tường An
- Từ 7/1986 đến 8/1989 : Kế toán trưởng Khách sạn Victory
- Từ 8/1989 đến 4/1991 : Q. Phó phòng Kế toán Công ty Bia Sài Gòn
- Từ 4/1991 đến 12/2001 : Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Nước giải khát Chương Dương.
- Từ 01/2002 đến 6/2005 : Phó Tổng giám đốc Công ty LD Thủy tinh Malaya Việt Nam.
- Từ 6/2005 đến 5/2008 : Ủy viên Ban Kiểm soát SABECO
- Từ 5/2008 đến nay : Trưởng Ban Kiểm soát SABECO

- Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Trưởng Ban Kiểm soát.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên BKS Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý;
Thành viên BKS Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây.

Số cổ phần nắm giữ	:	
- Đại diện sở hữu Nhà nước	:	0 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần.
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty	:	Không.
Người có liên quan nắm giữ cổ phần	:	Không.
Những khoản nợ đối với Tổng Công ty	:	Không.
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty	:	Không.

12.2.2 Ông Chung Trí Dũng: Thành viên Ban Kiểm Soát.

- Họ và tên	:	Chung Trí Dũng
- Giới tính	:	Nam
- Ngày tháng năm sinh	:	17/04/1956
- CMND số	:	022775980, cấp ngày 12/11/2009 tại CA TPHCM
- Nơi sinh	:	Hà Nội
- Quốc tịch	:	Việt Nam
- Dân tộc	:	Kinh
- Quê quán	:	Hà Nội
- Địa chỉ thường trú	:	339/39 Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận 3, TP.HCM
- Số điện thoại ở cơ quan	:	08.38294083
- Trình độ văn hóa	:	10/10
- Trình độ chuyên môn	:	Đại học TĐTT

Quá trình đào tạo

Quá trình công tác

Từ 1978 đến 1985	:	Huấn luyện viên trưởng đội tuyển bóng đá Tây Ninh A1 toàn quốc.
Từ 1985 đến 1991	:	Giáo viên trường Công nghiệp thực phẩm TPHCM.
Từ 1991 đến 1992	:	Thủ kho chi nhánh Bia Long An – Công ty Bia Sài Gòn
Từ 1992 đến 2002	:	Trưởng kho thành phẩm Công ty Bia Sài Gòn.
Từ 2002 đến 2005	:	Đội trưởng đội xe Xí nghiệp vận tải – Công ty Bia Sài Gòn
Từ 2005 đến 2007	:	Phó Chánh văn phòng, Trưởng phòng nhân sự Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
Từ 2007 đến 2008	:	Phó Ban Nhân sự Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn; Phó chủ tịch Công đoàn Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
Từ 2008 đến 4/2012	:	Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn; Phó chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
Từ 5/2012 đến 5/2016	:	Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty CP Bia – Rượu –

Nước giải khát Sài Gòn;
Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước
giải khát Sài Gòn.

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không.

Số cổ phần nắm giữ :
- Đại diện sở hữu Nhà nước : 0 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 2.900 cổ phần (0,00045% Vốn điều lệ).

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không.
Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không.
Những khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không.
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không.

12.2.3 Ông Hoàng Giang Bình: Thành viên Ban Kiểm Soát.

Họ và tên : **Hoàng Giang Bình**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/12/1986
- CMND số : 01086011001, cấp ngày 16/03/2016 tại Hà Nội.
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 53 Tô Vĩnh Diện, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại ở cơ quan : 0987833886
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ tài chính kế toán.

Quá trình đào tạo
Từ 2004 đến 2008 : Cử nhân Kế toán doanh nghiệp, Học viện Tài chính.
Từ 2009 đến 2011 : Thạc sỹ Tài chính – Kế toán, đại học Deakin, Australia.

Quá trình công tác
Từ 03/2009 đến 09/2009 : Phòng Kế toán – Đài TH Việt Nam.
Từ 12/2011 đến 05/2012 : Chi nhánh Hoàn Kiếm – NH TMCP Quân đội.
Từ 08/2012 đến 09/2015 : Ban đầu tư dự án – Tập đoàn Bảo Việt.
Từ 09/2015 đến nay : Ban Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.
Từ 05/2013 đến nay : TV Ban Kiểm soát SABECO.
Từ 04/2015 đến nay : TV Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên Ban Kiểm soát BVSC;

Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC – Bảo Việt.

Số cổ phần nắm giữ	:	
- Đại diện sở hữu Nhà nước	:	0 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần.
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty	:	Không.
Người có liên quan nắm giữ cổ phần	:	Không.
Những khoản nợ đối với Tổng Công ty	:	Không.
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty	:	Không.

12.3 Danh sách Ban Tổng Giám đốc (Ban Điều hành)

Ban Giám đốc của Tổng Công ty gồm bốn (4) thành viên, trong đó có một (1) Phụ trách Ban Điều hành, ba (3) Phó Tổng giám đốc. Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc gồm có:

Họ và tên	Năm sinh	CMND	Chức vụ
Ông Lê Hồng Xanh	1957	021778063	Phụ trách Ban Điều hành
Ông Vũ Quang Hải	1986	001086007371	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh An	1973	022771979	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Nam	1970	020163789	Phó Tổng Giám đốc

Nguồn: SABECO

Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Tổng Giám đốc như sau:

12.3.1 Ông Lê Hồng Xanh: Sơ yếu lý lịch đã được đề cập tại phần Thành viên HĐQT.

12.3.2 Ông Vũ Quang Hải: Sơ yếu lý lịch đã được đề cập tại phần Thành viên HĐQT.

12.3.3 Ông Nguyễn Minh An: Phó Tổng Giám đốc.

- Họ và tên:	:	Nguyễn Minh An
- Giới tính	:	Nam
- Ngày tháng năm sinh	:	27/11/1973
- CMND số	:	022771979, cấp ngày 07/07/2014 tại CA TPHCM
- Nơi sinh	:	Tây Ninh
- Quốc tịch	:	Việt Nam
- Dân tộc	:	Kinh

- Quê quán : An Phú, Bến Cát, Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 21 Kỳ Đồng, P. 9, Quận 3, TP HCM
- Số điện thoại ở cơ quan : 08.38294083
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ

Quá trình đào tạo

- Từ 1991 đến 1996 : Cử nhân Tài chính Kế toán.
- Từ 1994 đến 1996 : Cử nhân Luật.
- Từ 2005 đến 2006 : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- Từ 2006 đến 2007 : Cao cấp chính trị

Quá trình công tác

- Từ 2007 đến 2008 : Phó phòng Xúc tiến đầu tư, Sở Kế hoạch & Đầu tư TPHCM.
- Từ 2008 đến 02/2015 : Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây.
- Từ 03/2015 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

- Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam;
TV HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Bình Tây;
TV HĐQT Công ty CP Bao bì SABECO Sông Lam;
Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh
TV HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và TM Tân Thành.

Số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu Nhà nước : 0 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty : Không.
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không.
- Những khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không.
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không.

12.3.4 Ông Nguyễn Thành Nam: Phó Tổng Giám đốc.

- Họ và tên : Nguyễn Thành Nam
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 29/12/1970
- CMND số : 020163789, cấp ngày 04/8/2006 tại CA TPHCM
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Phú Nhuận, TX. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

- Địa chỉ thường trú : 319/D12 Lý Thường Kiệt, Q.11, TP HCM
- Số điện thoại ở cơ quan : 08.38294083
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản lý Kinh tế và Nhà nước
- Quá trình đào tạo**
Từ 1992 đến 1996 : Cử nhân QTKD
7/2000 : Chứng chỉ Chuyên viên đánh giá
Từ 2001 đến 2003 : Thạc sĩ Quản lý Kinh tế và Nhà nước
8/2004 : Chứng chỉ Quản lý kinh tế
11/2005 : Chứng chỉ Nghiệp vụ mua bán quốc tế
7/2010 : Chứng chỉ Nghiệp vụ đấu thầu
12/2013 : Chứng nhận Chiến lược công nghiệp (Inseec Executive Pháp)
02/2015 : Quản lý bán hàng hiện đại (Cdemi Apples & Oranges)
- Quá trình công tác**
Từ 9/1988 đến 12/1990 : Làm việc tại BKK Biterfeld – CHDC Đức.
Từ 01/1991 đến 01/1997 : Nhân viên PX Cơ khí, Công ty Bia Sài Gòn
Từ 02/1997 đến 12/2001 : Tổ trưởng Cung ứng, Phòng Cung ứng, Công ty Bia Sài Gòn
Từ 12/2001 đến 4/2006 : Phó phòng Cung ứng, Công ty Bia Sài Gòn.
Từ 4/2006 đến 9/2007 : Phó Ban Cung ứng, Tổng công ty Bia Sài Gòn.
Từ 9/2007 đến 6/2012 : Trưởng Phòng Kế hoạch Cung tiêu, Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh – Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn.
Từ 6/2012 đến 3/2015 : Trưởng Ban Mua Hàng, Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn.
Từ 3/2015 đến 02/2016 : Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất, kiểm soát chất lượng, mua hàng kiêm Trưởng Ban Mua hàng Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn.
- Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn – Củ Chi;
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây;
TV HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung;
TV HĐQT Công ty TNHH Bao bì Samuguel Phú Thọ.
- Số cổ phần nắm giữ** :
- Đại diện sở hữu Nhà nước : 0 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 1.800 cổ phần (0,000281% Vốn điều lệ).
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty : Không.
Người có liên quan nắm giữ cổ phần : 7.200 cổ phần (0,000936% Vốn điều lệ).
Những khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không.
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không.

12.4 Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Tổng Công ty là Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Tiến Dũng như sau:

Ông Nguyễn Tiến Dũng: Kế toán Trưởng.

- Họ và tên : Nguyễn Tiến Dũng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/01/1973
- CMND số : 024322345, cấp ngày 28/7/2009, tại CA TPHCM.
- Nơi sinh : Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Xá, Hưng Nguyên, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : 56/28 Thích Quảng Đức, P. 5, Q. Phú Nhuận, TPHCM
- Số điện thoại ở cơ quan : 08.38294083
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính-Tín dụng

Quá trình đào tạo

- 1989 - 1994 : Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính-Tín dụng
- 1993 - 1994 : Ngoại ngữ Anh văn (Trình độ C)
- 4/1999-5/2000 : Bồi dưỡng Kế toán trưởng

Quá trình công tác

- 11/1994 – 3/1999 : Tổ trưởng Tổ Kế toán-Thống kê Nhà máy Sữa Hà Nội
- 4/1999 - 4/2001 : Phụ trách P. Tài chính – Kế toán – Nhà máy Rượu Bình Tây – Công ty Bia Sài Gòn.
- 5/2001 - 6/2002 : Phụ trách P. Tài chính – Kế toán Công ty Rượu Bình Tây.
- 7/2002 - 5/2003 : Phó phòng Tài chính – Kế toán – Phụ trách P. Tài chính – Kế toán Công ty Rượu Bình Tây.
- 6/2003 - 10/2003 : Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Rượu Bình Tây.
- 10/2003 - 5/2004 : Kế toán trưởng Công ty Rượu Bình Tây.
- 06/2004 - 10/2005 : Phó giám đốc Công ty Rượu Bình Tây.
- 11/2005 - 5/2006 : Giám đốc Công ty cổ phần Rượu Bình Tây.
- 06/2006 - 12/2006 : Phụ trách Ban Tài chính – Kế toán, Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

- 01//2007 - 5/2008 : Kế toán trưởng Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
- 05/2008 đến nay : Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
- Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty : Kế Toán Trưởng.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh;
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Đồng Xuân;
TV HĐQT Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn – Đồng Nai;
TV HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây.
- Số cổ phần nắm giữ** :
- Đại diện sở hữu Nhà nước : 0 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 100 cổ cổ phần (0,000016% Vốn điều lệ).
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty : Không.
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không.
- Những khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không.
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không.

13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản, đất đai thuộc sở hữu của Tổng Công ty)

Tổng Công ty đang sở hữu và sử dụng các khu đất như sau:

13.1 Danh sách các cơ sở nhà đất quản lý sử dụng

13.1.1 Các khu đất do SABECO quản lý, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất và nộp tiền sử dụng đất một lần

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích	Phương án khai thác sử dụng
1	Xã Tương Hiệp, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	4.008,6 m ²	Đang làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông

13.1.2 Các khu đất do SABECO quản lý, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức cho thuê đất trả tiền một lần

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích	Phương án khai thác sử dụng
1	Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn Củ Chi - Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi TP.HCM	500.655,3 m ²	Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn Củ Chi. Thời hạn SDD đến 18/8/2048

13.1.3 Các khu đất do SABECO quản lý, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích	Phương án khai thác sử dụng
1	Khu thương mại Bến Lội - Lại An, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	3.798,70 m ²	Văn phòng làm việc, kho chứa bia chi nhánh TCT tại Bình Thuận. Thời hạn SDD đến 02/6/2055

13.1.4 Các khu đất do SABECO quản lý, đang làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (*)	Diện tích theo Báo cáo tài chính (**)	Lý do chênh lệch diện tích	Phương án khai thác sử dụng (***)
1	46 Bến Vân Đồn, P.12, Q.4, TP. HCM.	3.360,4 m ²	3.872,5 m ²	Nhà nước thu hồi 512,1 m ² để làm đường	Hợp tác đầu tư với đơn vị có năng lực để khai thác khu đất
2	187 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q.5, TP.HCM.	15.570,1 m ²	17.406,1 m ²	Trả đất cho Trường THPT Hùng Vương 1.836m ² (SABECO đã thuê của Trường Hùng Vương)	Tiếp tục sử dụng làm nhà máy sản xuất Bia theo quy hoạch của Chính phủ, các cơ quan chức năng nhà nước (Bộ Tài Chính, Bộ Công thương, UBND TPHCM)
3	474 Nguyễn Chí Thanh, P.6, Q.10, TP.HCM.	7.729,00 m ²	7.729,0 m ²		Dành 50% diện tích trồng cây xanh; phần còn lại xây dựng chuỗi nhà hàng quảng bá Bia Sài Gòn

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (*)	Diện tích theo Báo cáo tài chính (**)	Lý do chênh lệch diện tích	Phương án khai thác sử dụng (***)
4	18/3B Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP.HCM.	2.193,7 m ²	2.216,3 m ²	Giao cho Nhà nước 22,6m ² làm đường nội bộ.	Dự kiến xây dựng Trung tâm đào tạo - Nghiên cứu công nghệ đồ uống và thực phẩm

Ghi chú:

(*): Diện tích thực sau khi có các Quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước.

(**): Diện tích trên BCTC là diện tích theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây.

(***): Thời điểm triển khai thực hiện các phương án sử dụng đất nêu trên tùy thuộc vào quyết định của cấp có thẩm quyền.

Sau khi được các cơ quan Nhà nước có thẩm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, Tổng Công ty sẽ điều chỉnh số liệu về diện tích của ba khu đất:

- 46 Bến Vân Đồn, P.12, Q. 4, TP. HCM;
- 187 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q. 5, TP. HCM; và
- 18/3B Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình, TP. HCM;

trên Báo cáo tài chính cho phù hợp với diện tích thực tế sau khi Cơ quan Nhà nước thu hồi.

13.1.5 Đất do UBND thành phố Hồ Chí Minh tạm giao cho SABECO quản lý theo Quyết định 920/QĐ-UBND ngày 09/03/2007

Số 01 Lê Văn Khương, Phường Hiệp Phú, Q.12, TP.HCM. Diện tích 23.406,2 m².

13.2 Nhà đất dự kiến đưa vào hợp tác đầu tư

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích	Phương án khai thác sử dụng
1	02 Hoàng Hoa Thám, P.Vạn Thạnh, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	1.533,88 m ² . Trong đó: 1400.1m ² trả tiền thuê đất một lần, 133,78m ² trả tiền thuê đất hàng năm đến khi Nhà nước thu hồi (làm đường giao thông)	Hợp tác đầu tư với nhà đầu tư để khai thác khu đất. Thời hạn SDD đến 04/01/2053

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch kinh doanh năm 2016 và năm 2017

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2016 (đã được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2016) và dự kiến năm 2017 như sau:

Bảng 31: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2016 và kế hoạch năm 2017

Đơn vị: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch năm 2017 (*)	
		Giá trị	% tăng giảm so với năm 2015	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2016
Sản lượng tiêu thụ bia (triệu lít)	1.521	1.541	1,31%	1.643	6,6%
<i>Trong đó: Bia Sài Gòn</i>	<i>1.466</i>	<i>1.490</i>	<i>1,64%</i>	<i>1.592</i>	<i>6,8%</i>
Doanh thu thuần	27.144.301	28.558.000	5,21%	30.384.000	6,4%
Lợi nhuận sau thuế	3.600.096	3.659.000	1,64%	3.956.000	8,1%
Vốn chủ sở hữu	14.064.666	15.799.823	12,34%	17.606.823	11,4%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,26%	12,81%	-3,39%	13,02%	1,6%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25,59%	23,16%	-9,53%	22,47%	-3,0%
Cổ tức	30%	30%	0,0%	30%	0,0%

Nguồn: SABECO

(*): Kế hoạch năm 2017 là dự kiến và sẽ phải được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2017.

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Tổng Công ty dựa trên các căn cứ chính sau đây để xây dựng kế hoạch và các giải pháp để đạt các mục tiêu kinh doanh:

- Dự báo tăng trưởng GDP thực tế của Việt Nam sẽ đạt trên 6% trong năm 2016 và tiếp tục tăng trưởng trên 6% cho giai đoạn 2016 – 2020. Dân số Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng kép bình quân 1%/năm trong giai đoạn này.
- Triển vọng tăng trưởng ngành bia tích cực (như đã được trình bày ở phần trên).
- Năng lực sản xuất hiện tại (1,8 tỷ lít bia/năm) của Tổng Công ty vẫn đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ dự báo tăng trưởng.

- Hệ thống kênh phân phối ổn định và có khả năng để đưa sản phẩm gia tăng thêm đến với thị trường và người tiêu dùng.
- Các giải pháp Tổng Công ty đang thực hiện liên quan đến nguồn nhân lực cho hiện tại và tương lai đang tiến triển tốt. Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện:
 - ✓ Tiếp tục thực hiện phương án tái cấu trúc theo hướng sắp xếp, điều chỉnh các bộ phận chuyên môn theo hướng tinh gọn nhằm tăng hiệu quả và tiết kiệm chi phí; sắp xếp lại cán bộ, nhân viên phù hợp với mô hình quản trị điều hành mới;
 - ✓ Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhất là đào tạo chuyên môn và kỹ năng mềm;
 - ✓ Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ và chuyên sâu phù hợp cho từng loại cán bộ, nhân viên để đáp ứng yêu cầu của quá trình sản xuất, kinh doanh;
 - ✓ Rà soát và hoàn thiện định biên, định mức lao động, quy chế đánh giá theo các Chỉ tiêu đánh giá chính (KPIs), bảng lương để đảm bảo đánh giá đúng năng lực, hiệu quả lao động;
 - ✓ Xây dựng hệ thống chế độ đãi ngộ để thu hút nhân tài.
- Các giải pháp liên quan đến thị trường, tiếp thị và bán hàng được xây dựng và triển khai để đạt mục tiêu củng cố thị trường hiện có và mở rộng thị trường, đặc biệt tại thị trường nông thôn. Cụ thể, Tổng Công ty đã và đang thực hiện:
 - ✓ Các chiến lược marketing dài hạn, tập trung đầu tư cho việc củng cố và phát triển thương hiệu cho các nhãn hàng theo chiến lược dài hạn.
 - ✓ Các chính sách quảng cáo, tiếp thị để hỗ trợ cho người bán hàng cuối cùng;
 - ✓ Phối hợp với các đối tác có kinh nghiệm, tiềm lực để đẩy mạnh giới thiệu, bán sản phẩm,... phù hợp với từng vùng thị trường tiêu thụ để khai thác một cách hiệu quả các nguồn lực sẵn có;
 - ✓ Hoàn thiện, phát triển hệ thống phân phối và các chính sách hỗ trợ bán hàng. Tăng cường kiểm soát theo kênh, từng phân khúc sản phẩm, hệ thống quán và điểm bán hàng;
 - ✓ Hỗ trợ cho hệ thống điểm bán hàng của nhà phân phối, tìm kiếm khách hàng mới để mở rộng thị phần, nhất là khu vực Đông Nam Á.
- Các giải pháp liên quan khác cũng đã được Tổng Công ty xây dựng và triển khai theo lộ trình phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.

14.3 Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Tổng Công ty chưa có kế hoạch tăng Vốn điều lệ trong giai đoạn từ năm 2016 - 2020.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng (MBKE) đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của SABECO trong năm 2016 và dự kiến năm 2017 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay. MBKE cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của SABECO dự kiến trong năm 2016 và năm 2017 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của SABECO.

Chúng tôi lưu ý rằng những nhận xét của chúng tôi chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản Cáo Bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý MBKE bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, các thông tin liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu,...)

Tổng Công ty không có những cam kết chưa thực hiện liên quan đến trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và cổ phiếu.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

- Thông tin về quyết toán vốn Nhà nước quá trình cổ phần hóa: Tổng Công ty đã hoàn thành quyết toán vốn Nhà nước quá trình cổ phần hóa.
- Thông tin về Thuế tiêu thụ đặc biệt: Đã nêu tại Mục 11.3 ở trên.
- Các thông tin khác: Ngoại trừ thông tin liên quan đến Thuế tiêu thụ đặc biệt tại Mục 11.3 nêu trên, Tổng Công ty không có các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- 1. Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông.
- 2. Mệnh giá:** 10.000 Đồng/cổ phiếu.
- 3. Tổng số chứng khoán niêm yết:** 641.281.186 cổ phiếu (sáu trăm bốn mươi một triệu, hai trăm tám mươi một ngàn, một trăm tám mươi sáu cổ phiếu).
- 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định là 12.200 cổ phiếu. Đây là số cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 12 tháng, trong đó 6 tháng đầu hạn chế 100% số cổ phiếu và 6 tháng tiếp theo là 50%.

5. Phương pháp tính giá

Để xác định giá niêm yết cổ phiếu SABECO, chúng tôi dựa trên các phương pháp định giá được áp dụng phổ biến trên thị trường. Các phương pháp gồm có: Phương pháp Giá trị sổ sách, Phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF) và Phương pháp so sánh với các công ty có ngành nghề tương tự với SABECO.

5.1 Phương pháp giá trị sổ sách

Giá sổ sách của cổ phiếu được xác định dựa trên công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số cổ phiếu lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2015, 30/9/2016 và dự kiến cuối năm 2016 như sau:

	31/12/2015	30/09/2016	31/12/2016 (*)
Vốn chủ sở hữu	14.064.703.719.331	14.402.918.138.808	14.804.205.190.873
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	995.617.570.458	1.007.402.455.641	1.035.470.209.534
Số cổ phiếu lưu hành	641.281.186	641.281.186	641.281.186
Giá trị sổ sách của cổ phiếu	20.380	20.889	21.471

(*) Dự kiến theo kế hoạch lợi nhuận năm 2016 là 3.659 tỉ Đồng và hoàn tất chi trả cổ tức tiền mặt 30% của năm 2015.

5.2 Phương pháp dòng tiền (DCF)

- Các căn cứ chính: Số liệu tài chính quá khứ của SABECO và dự báo kế hoạch kinh doanh trong tương lai của SABECO;
- Các giả định chính: Chi phí sử dụng vốn trung bình 9,8% - 11,8%, tỉ lệ tăng trưởng dài hạn: 4,5% - 5,5%.
- Kết quả: Giá cổ phiếu được xác định trong khoảng 97.400 Đồng – 154.606 Đồng/cổ phiếu.

5.3 Phương pháp so sánh với các công ty có ngành nghề tương tự

Phương pháp này sử dụng các chỉ số thông dụng trên thị trường tài chính của các Công ty có ngành tương tự với SABECO trong khu vực, trên toàn cầu và một số Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Các chỉ số so sánh gồm có:

- EV/ EBITDA (Giá trị doanh nghiệp trên Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao);
- P/E (Giá trên thu nhập trên cổ phần);
- P/B (Giá trên giá trị sổ sách của cổ phiếu).
- Kết quả xác định giá:

Đơn vị: Làn

	EV/ EBITDA ước tính Năm 2016	EV/ EBITDA Năm 2017	Giá trên Giá sổ sách mười hai tháng gần nhất	P/E ước tính Năm 2016	P/E ước tính Năm 2017	P/E Mười hai tháng gần nhất	EV/ EBITDA Mười hai tháng gần nhất
Khu vực (*)	13,6	12,4	6,3	23,6	23,3	23,2	13,6
Toàn cầu (**)	10,8	9,7	3,24	22,7	19,2	28,3	13,8
Một số công ty niêm yết tại HSX (***)	12,3	12,4	4,59	25,0	21,4	23,9	13,4
Trung bình	12,2	11,3	4,74	23,4	21,3	25,1	13,7
Giá cổ phiếu (Đồng/cp)	103.014 đến 123.307	101.636 đến 121.623	87.029 đến 106.369	123.373 đến 150.789	131.389 đến 160.587	114.868 đến 140.394	98.756 đến 118.103

Ghi chú:

(*) Các Công ty Khu vực: Constellation Brands, ThaiBev, Beijing Yanjing, Carlsberg Malaysia, Heineken Malaysia, Tsingtao Brewery, Anadolu Efes, Boston Beer, Hite Jinro.

(**) Các Công ty toàn cầu: Diageo, Anheuser-Busch, Heineken, Malson Coors, Olvi Oyj, Carlsberg, Kirin Holdings, Sapporo, Asahi Group.

(***) Các công ty niêm yết tại HSX: Vinamilk, Masan, Kido Group.

Trên cơ sở kết quả các phương pháp định giá nêu trên, Tổng Công ty xác định giá cổ phiếu niêm yết là: **110.000 (Một trăm mười ngàn) Đồng/cổ phiếu.**

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)

Theo quy định của pháp luật hiện hành:

Hiện tại, pháp luật về đầu tư chưa quy định cụ thể về tỉ lệ sở hữu nước ngoài cho các ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Tổng Công ty liên quan đến Nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Theo đó, tỉ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài tại Tổng Công ty là 49%.

Định hướng của Tổng Công ty:

Sau khi thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Hội đồng quản trị SABECO sẽ tiến hành xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua việc loại bỏ một số ngành nghề kinh doanh hạn chế tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài lên 100%.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1 Đối với Tổng Công ty

Dưới đây là các loại thuế chính liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

7.1.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty chịu Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19/6/2013; Nghị định 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 122/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày

13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính cho năm 2014 và 2015, và 20% từ năm 2016 trở đi.

7.1.2 Thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 của Quốc hội ban hành ngày 14/11/2008 và Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 70/2014/QH13; Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 của Quốc hội ban hành ngày 14/11/2008 và Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và các văn bản hướng dẫn của Bộ tài chính. Năm 2016, Thuế suất Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu (trên 20 độ) và bia là 55%, tăng 5% so với năm 2015.

Hiện tại, SABECO đang tiến hành kê khai và nộp thuế theo Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.

7.1.3 Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013; Nghị định 123/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định 121/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; các Thông tư hướng dẫn thi hành của Bộ Tài chính.

7.2 Đối với nhà đầu tư

7.2.1 Nhà đầu tư cá nhân

Nhà đầu tư cá nhân phải chịu Thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 21/11/2007, Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

7.2.2 Nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư tổ chức chịu thuế theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19/6/2013; Nghị định 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 122/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG

Trụ sở: Tầng 4A – 15 + 16, Tòa nhà Vincom Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 44 555 888 Fax: (08) 38 271 030

Website: www.maybank-kimeng.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm 2014, 2015:

CÔNG TY TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 8 Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2016:

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 28 Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 3824 5252 Fax: (08) 3824 5250.

Website: www.ey.com/vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

2. Phụ lục II: Điều lệ Tổng Công ty;

3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;

4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ năm 2014, 2015 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014, 2015 được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2016 đã được soát xét;
- Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng năm 2016;

5. Các phụ lục khác.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2016

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VŨ THANH HÀ

PHỤ TRÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

LÊ HỒNG XANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

ĐỒNG VIỆT TRUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN TIẾN DŨNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG



KIM THIÊN QUANG